PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 26/2011/QĐ-UBND	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 5 năm 2011*

QUYẾT ĐỊNH

Về ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX về Chương trình giảm ngập nước giai đoạn 2011 - 2015

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX;

Căn cứ Chương trình hành động số 13-CTrHĐ/TU ngày 16 tháng 3 năm 2011 của Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX về Chương trình giảm ngập nước giai đoạn 2011 - 2015;

Xét đề nghị của Trung tâm điều hành Chương trình chống ngập nước tại Tờ trình số 1402/TTr-TTCN ngày 13 tháng 12 năm 2010 dự thảo Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX về Chương trình giảm ngập nước giai đoạn 2011 - 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX về Chương trình giảm ngập nước giai đoạn 2011 - 2015.

Điều 2. Thủ trưởng các sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc thành phố quản lý căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung Kế hoạch này để xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình giảm ngập nước giai đoạn 2011 - 2015.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Trung tâm điều hành Chương trình chống ngập nước thành phố, Thủ trưởng các sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc thành phố quản lý chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX về Chương trình giảm ngập nước giai đoạn 2011 - 2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 26/2011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Để tổ chức triển khai có hiệu quả Chương trình hành động số 13-CTrHĐ/TU ngày 16 tháng 3 năm 2011 của Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX về Chương trình giảm ngập nước giai đoạn 2010 - 2015, Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát:

Tập trung giải quyết cơ bản tình trạng ngập nước tại khu vực trung tâm thành phố (khoảng 100km^2); kiểm soát, ngăn chặn không để phát sinh điểm ngập mới trên 5 vùng còn lại (khoảng 580km^2); giai đoạn 2016 - 2020, giải quyết cơ bản ngập nước do mưa tại 5 lưu vực ngoại vi và phần diện tích còn lại của thành phố.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Giai đoạn 2011 - 2015:

Giải quyết cơ bản tình trạng ngập nước do mưa và triều tại khu vực trung tâm (diện tích 100km^2, dân số khoảng 3,3 triệu người); phấn đấu xóa các điểm ngập do mưa hiện hữu, kéo giảm tình trạng ngập nước lưu vực bắc Tàu Hũ, Tân Hóa - Lò Gốm (các quận 6, 11, Tân Phú, Bình Tân và một phần các quận 6, 8, Bình Thạnh), khắc phục tình trạng ngập do thi công, hạn chế phát sinh các điểm ngập mới.

Đối với 5 vùng thoát nước còn lại (580km^2, dân số khoảng 3,4 triệu người), phấn đấu giảm 70% các điểm ngập nước do mưa, 50% các điểm ngập do triều; kiểm soát, ngăn chặn không cho phát sinh điểm ngập mới.

2.2. Giai đoạn 2016 - 2020:

Giải quyết cơ bản tình trạng ngập nước do mưa tại 5 vùng thoát nước và phần diện tích còn lại của thành phố vào năm 2020.

Mở rộng khu vực bảo vệ chống ngập ngoài phạm vi nghiên cứu quy hoạch tiêu thoát nước (khu vực quận 12, huyện Hóc Môn, Củ Chi, Bình Chánh).

2.3. Giai đoạn 2021 - 2025:

Giải quyết triệt để tình trạng ngập nước do mưa; giải quyết cơ bản tình trạng ngập nước do lũ và triều, có xét đến hiện tượng mực nước biển dâng cao trong tương lai trên toàn địa bàn thành phố.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao chất lượng quy hoạch, hiệu quả quản lý quy hoạch, xây dựng:

1.1. Trên cơ sở các quy hoạch Chính phủ phê duyệt và kết quả nghiên cứu của các tổ chức khoa học trong, ngoài nước, rà soát, bổ sung điều chỉnh quy hoạch theo hướng quy hoạch tích hợp để giảm thiểu nguy cơ ngập, làm cơ sở cho việc định hướng đầu tư ưu tiên trong từng giai đoạn, nhằm chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, mực nước biển dâng, nâng cao hiệu quả quản lý công tác chống ngập trên địa bàn. Tập trung quy hoạch hệ thống thoát nước mưa và phát triển hạ tầng kỹ thuật theo hướng: đối với các khu vực nội thành hiện hữu (13 quận cũ), khu nội thành phát triển (6 quận mới), các khu dân cư nông thôn và khu đô thị mới tại 5 huyện trong vùng bờ hữu sông Sài Gòn - Nhà Bè thuộc hệ thống đê bao khép kín, có quy định khống chế cao độ nền xây dựng, chú trọng hoàn thiện mặt phủ, tăng diện tích cây xanh, thảm cỏ.

1.2. Tăng cường quản lý các quỹ đất, bảo đảm diện tích mặt nước, hệ thống sông, rạch phục vụ tiêu thoát nước và chống ngập; quản lý chặt quỹ đất nông nghiệp, bố trí trục cây xanh cảnh quan, mặt nước (chiều rộng từ 50 - 800m) để hình thành 3 tuyến vành đai sinh thái (chiều rộng từ 2.000 - 3.000m) dọc hai bên bờ sông Sài Gòn, sông Đồng Nai và sông Nhà Bè.

- Quản lý chặt chẽ việc san lấp và xây dựng công trình trên sông, kênh, rạch, đầm hồ công cộng; quy hoạch tổng thể hệ thống và xây dựng các hồ điều tiết tại khu vực phù hợp, giảm sự gia tăng dòng chảy để hỗ trợ tiêu thoát nước; bảo đảm diện tích các khu đất ngập nước tại những nơi có địa hình thấp, diện tích sông, rạch và tạo cảnh quan đô thị.

- Phải tính toán các tiêu chí về các yếu tố mưa, triều, lũ, sinh thái khi xem xét lập hồ sơ các dự án, thiết kế công trình để khi đưa vào sử dụng bảo đảm tính bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu. Tăng cường công tác quản lý đô thị, xây dựng những quy định phù hợp về bù đắp diện tích mặt nước bị san lấp và ngăn chặn việc

gia tăng hệ số chảy tràn; quy định các biện pháp chế tài mạnh để bảo vệ có hiệu quả hệ thống cống thoát nước, kênh, rạch, vùng đệm, vùng điều tiết nước.

1.3. Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách đáp ứng yêu cầu công tác xóa, giảm ngập nước:

- Ưu tiên nguồn vốn ODA cho đầu tư, phát triển hệ thống thoát nước, thu gom nước thải, các công trình hồ điều tiết, đê bao và các cống kiểm soát triều; có kế hoạch bảo đảm đầu tư ngân sách để phát triển hệ thống thoát nước, hệ thống kiểm soát triều.

- Khuyến khích, huy động các nguồn vốn của các nhà đầu tư trong và ngoài nước xây dựng hệ thống thoát nước, đặc biệt là các nhà máy xử lý nước thải.

- Xây dựng lộ trình tăng phí thoát nước đảm bảo đến năm 2015, phí thoát nước đáp ứng đủ cho nhu cầu quản lý, vận hành hệ thống thoát nước, xử lý môi trường nước.

2. Nâng cao hiệu quả thực hiện các giải pháp giảm ngập nước, từng bước xóa ngập trên địa bàn

2.1. Tập trung chỉ đạo xử lý có hiệu quả các điểm ngập nước hiện hữu; chủ động phối hợp với các Bộ - ngành Trung ương tháo gỡ nhanh các khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành đưa vào sử dụng các dự án thoát nước mưa, kiểm soát triều; thực hiện các giải pháp kỹ thuật thoát nước cấp bách, nạo vét thông thoáng dòng chảy tại các cửa xả, kênh, rạch bị lấn chiếm nhằm kéo giảm mức độ ngập.

2.2. Kiên quyết xử lý tình trạng lấn chiếm trái phép để thực hiện việc nạo vét kênh, rạch, kết hợp với chỉnh trang đô thị:

- Khẩn trương hoàn thành quy hoạch xây dựng 1/2000, xác định mép bờ cao, xác định chính xác hành lang bảo vệ sông, kênh, rạch để phục vụ cho công tác giải tỏa lấn chiếm kênh, rạch trái phép.

Phấn đấu đến cuối năm 2014 thực hiện cơ bản chương trình giải tỏa các khu nhà lụp xụp trên kênh, rạch làm cơ sở cho nhiệm vụ nạo vét, thông thoáng kênh, rạch thoát nước, giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước.

Giai đoạn 2012 - 2015 thực hiện xong cơ bản chương trình chỉnh trang đô thị dọc hai bên bờ kênh, rạch, tạo khoảng lưu không phù hợp để tăng diện tích vùng đệm điều tiết nước và tạo cảnh quan cho đô thị.

- Xây dựng những quy định cụ thể về vị trí các tuyến đê, đê kết hợp giao thông trong chỉ giới đường sông để bảo đảm thuận lợi khi xây dựng, gia cố, sửa chữa; đồng thời hạn chế tình trạng lấn chiếm, bảo vệ an toàn cho tuyến đê và tăng dung tích chứa nước khi có mưa, triều, lũ.

- Tập trung thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng nhất là công tác bồi thường, hỗ trợ di dời, tái định cư cho người dân tại các dự án, công trình đê bao, nạo vét kênh, rạch phục vụ tiêu thoát nước; đồng thời kiên quyết di dời các trường hợp lấn chiếm xây cất trên kênh, rạch, cửa xả, hệ thống thoát nước.

2.3. Đẩy mạnh các biện pháp kiểm soát, khống chế tình trạng phát sinh khu vực ngập mới:

- Các dự án phát triển đô thị, xây dựng khu dân cư mới phải được quy hoạch cốt nền phù hợp, xây dựng hệ thống thoát nước đầy đủ, kết nối đồng bộ với hệ thống thoát nước của khu vực.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; khắc phục tình trạng xâm hại gây ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước hiện hữu và gây ngập do thi công các công trình.

- Tiếp tục thực hiện kế hoạch cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước cũ tại khu vực trung tâm để kết nối đồng bộ với hệ thống mới; bít, hủy các tuyến cống không còn phát huy tác dụng để khắc phục tình trạng xuống cấp gây lún sụp và tái ngập nước. Xây mới hệ thống thoát nước trục chính tại 5 vùng thoát nước còn lại và các khu đô thị mới, xử lý nghiêm các trường hợp san lấp, lấn chiếm kênh, rạch, cửa xả, hệ thống thoát nước bảo đảm diện tích mặt phủ thấm nước và dung tích chứa nước mưa.

- Nghiên cứu, xây dựng các quy định về bù đắp diện tích mặt nước bị san lấp và ngăn chặn việc gia tăng hệ số chảy tràn; quy định chế tài các vi phạm để bảo vệ hệ thống cống thoát nước, kênh, rạch, vùng đệm, vùng điều tiết nước; cơ chế, chính sách phát triển các không gian điều tiết nước trong các dự án chỉnh trang và phát triển đô thị; tiếp tục nghiên cứu, ứng dụng vật liệu lát vỉa hè, công viên phù hợp để tránh bê tông hóa.

- Rà soát, bổ sung các giải pháp công nghệ quản lý nước mưa đô thị; nghiên cứu lập quy hoạch khu vực điều tiết nước kiểu mẫu cho một số khu vực thoát nước để tạo tiền đề cho việc triển khai diện rộng trên địa bàn, nhằm ngăn chặn phát sinh và kiểm soát ngập lụt, để chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Nghiên cứu ứng dụng các công nghệ mới trong thi công các công trình thoát nước, bảo vệ bờ sông, kênh, rạch như đê, kè, v.v… bảo đảm tính bền vững, hiệu quả kinh tế cao và mỹ quan đô thị.

- Có kế hoạch cải tạo, nâng cấp các tuyến cống thoát nước để giải quyết tình trạng ngập cho các khu vực đô thị hóa (quận 5, 6, 11, 12, Bình Tân, Tân Phú, Gò Vấp, huyện Bình Chánh), tiến tới hoàn thành việc cải tạo, nâng cấp hệ thống cống thoát nước khu vực Trung tâm, Tây và Bắc thành phố.

3. Bảo đảm tiến độ thực hiện các chương trình, dự án chống ngập trên địa bàn:

3.1. Tập trung chỉ đạo tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án thoát nước, chống ngập giai đoạn 2005 - 2010:

- Dự án Vệ sinh môi trường nước lưu vực Nhiêu Lộc - Thị Nghè;

- Dự án Cải thiện môi trường nước lưu vực kênh Bến Nghé - Tàu Hũ - kênh Đôi - kênh Tẻ giai đoạn 1 và 2;

- Dự án cải thiện vệ sinh và nâng cấp đô thị lưu vực Tân Hóa - Lò Gốm;

- Dự án tiêu thoát nước và cải thiện ô nhiễm kênh Tham Lương - Bến Cát - Rạch Nước Lên giai đoạn 1;

- Dự án hệ thống tiêu thoát nước Suối Nhum và cải tạo kênh Ba Bò;

- Dự án đê bao Bờ hữu sông Sài Gòn từ Vàm Thuật (quận 12) đến Tỉnh lộ 8 (huyện Củ Chi) và bờ tả sông Sài Gòn (từ cầu Bình Phước đến rạch Cầu Ngang, quận Thủ Đức).

3.2. Tập trung vốn, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính để đẩy nhanh tiến độ công tác chuẩn bị đầu tư và tổ chức thực hiện các dự án đê bao và cống kiểm soát triều, nạo vét các kênh, rạch thoát nước quan trọng; các dự án tiêu thoát nước và xử lý nước thải cho các vùng phía Bắc, Tây, Đông - Nam, Đông - Bắc và vùng phía Nam thành phố:

- Xây dựng hệ thống đê bao; bờ hữu sông Sài Gòn (từ Vàm Thuật - quận Bình Thạnh đến Kinh Lộ huyện Nhà Bè và từ Tỉnh lộ 8 đến Bến Súc huyện Củ Chi; bờ tả sông Sài Gòn (từ rạch Cầu Ngang - quận Thủ Đức tới khu Thủ Thiêm - quận 2). Xây dựng 7 cống kiểm soát triều quy mô lớn cùng các cống kiểm soát triều quy mô vừa và nhỏ.

- Nạo vét kênh, rạch thoát nước quan trọng, kết hợp với chỉnh trang đô thị và ứng dụng công nghệ mới trong bảo vệ bờ sông, kênh, rạch.

- Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới hệ thống thoát nước để phát triển đồng bộ, nâng cao khả năng thoát nước cho vùng trung tâm và một số khu vực ngoại vi.

- Xây dựng hệ thống thoát nước, thu gom nước thải cho các nhà máy xử lý nước thải: lưu vực Tân Hóa - Lò Gốm, Nam Tham Lương, Tây Sài Gòn, Suối Nhum và lưu vực Nhiêu Lộc - Thị Nghè, Khu đô thị mới Thủ Thiêm quận 2.

4. Tăng cường liên kết, hợp tác khoa học - công nghệ phục vụ công tác xóa, giảm ngập nước:

4.1. Xây dựng cơ chế, chính sách, tạo điều kiện thuận lợi trong việc tăng cường

trao đổi, hợp tác khoa học - công nghệ với các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, các viện, trường đại học đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực thoát nước đô thị. Mở rộng các chuyên ngành đào tạo tại các trường dạy nghề để đào tạo đội ngũ công nhân chuyên ngành phục vụ yêu cầu quản lý, vận hành, bảo dưỡng hệ thống thoát nước, các nhà máy xử lý nước thải.

4.2. Tập trung nghiên cứu, đánh giá tác động kinh tế - xã hội của biến đổi khí hậu; xây dựng chiến lược tích hợp để nâng cao khả năng thích nghi và ứng phó ngập lụt; nâng cao năng lực quan trắc và dự báo ngập lụt; nghiên cứu cơ chế, giải pháp để nâng cao năng lực các tổ chức liên quan và vai trò của cộng đồng trong chiến lược ứng phó, thích nghi với biến đổi khí hậu, tác động của việc bổ cập nước mưa đối với động thái và chất lượng nước ngầm, diễn biến lòng dẫn sông Sài Gòn và khả năng cải tạo để tăng năng lực thoát nước và chống sạt lở, các khả năng ứng phó với các biến cố mưa vượt tần suất thiết kế do biến đổi khí hậu đối với các hệ thống thoát nước đô thị...

5. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước đối với hệ thống hạ tầng thoát nước, xử lý nước thải đô thị:

5.1. Tập trung đầu mối, thống nhất tổ chức quản lý, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hệ thống thoát nước, xử lý nước thải và các công trình kiểm soát triều để quản lý ngập do biến đổi khí hậu.

5.2. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu của mạng lưới thoát nước trên nền số hóa và xây dựng mô hình quản lý theo hệ thống điều khiển giám sát và thu thập dữ liệu (S.C.A.D.A); lập chiến lược quản lý, vận hành, bảo vệ, mở rộng, xây dựng mới hệ thống thoát nước; xây dựng lộ trình tăng phí thoát nước và phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt; ngăn chặn hiệu quả tình trạng phát sinh các điểm ngập mới thông qua ứng dụng công nghệ quản lý kênh, rạch, hệ thống thoát nước, công cụ quản lý quy hoạch và xây dựng để khoanh vùng, bảo vệ vùng đệm, vùng điều tiết nước trong quá trình đô thị hóa.

5.3. Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút đội ngũ cán bộ khoa học, nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ tiên tiến của thế giới để nâng cao năng lực quan trắc, dự báo, đề xuất các biện pháp ứng phó, thích nghi với biến đổi khí hậu.

5.4. Bổ sung thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính của các cơ quan thanh tra trong phạm vi, chức năng quản lý nhà nước thuộc chuyên ngành thoát nước, chống ngập úng đô thị.

6. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong công tác tuyên truyền vận động nhân dân và giám sát thực hiện chiến lược quản lý ngập lụt trên địa bàn:

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động đoàn viên, hội viên, nhân dân tham gia thực hiện có hiệu quả phong trào "Vì một thành phố sạch đẹp"; phối hợp với các ngành chức năng thường xuyên tổ chức ra quân thực hiện vệ sinh đường phố, nạo vét kênh, rạch, bảo vệ môi trường, bảo vệ hệ thống thoát nước ở khu dân cư; thực hiện vai trò giám sát cộng đồng trên lĩnh vực này.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc các sở - ban - ngành, các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện tổ chức quán triệt, xây dựng kế hoạch cụ thể phù hợp với tình hình thực tiễn và nhiệm vụ chính trị của từng đơn vị, địa phương, gắn với việc thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 để triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình này; chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện của các cấp, các ngành, định kỳ hàng năm tổ chức sơ kết, báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Giám đốc Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan tham mưu đề xuất củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân sự, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ các cơ quan quản lý Nhà nước, Trung tâm điều hành Chương trình chống ngập nước, Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình giao thông đô thị và các Ban Quản lý dự án chống ngập đô thị.

3. Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan báo chí thành phố tăng cường các chuyên trang, chuyên mục, phim tài liệu, phóng sự chuyên đề tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm cộng đồng trong thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường; kịp thời phê phán các hành vi vi phạm, biểu dương, nhân rộng các điển hình trong thực hiện công tác này.

4. Trung tâm điều hành Chương trình chống ngập nước là cơ quan thường trực, có trách nhiệm điều phối, bảo đảm việc triển khai thực hiện thống nhất kế hoạch này, định kỳ tổng hợp báo cáo kết quả cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

Trong quá trình triển khai, nếu cần thiết bổ sung, điều chỉnh, các sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện chủ động phối hợp với Trung tâm điều hành Chương trình chống ngập nước để tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ LẦN THỨ IX VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGẬP NƯỚC GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 26/2011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)

TT	NỘI DUNG	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN
1.	Đề án tăng cường quản lý các quỹ đất, bảo đảm diện tích mặt nước, hệ thống sông rạch phục vụ tiêu thoát nước và chống ngập; quản lý chặt quỹ đất nông nghiệp, bố trí cây xanh… hình thành 3 tuyến vành đai sinh thái dọc hai bên bờ sông Sài Gòn, sông Đồng Nai và sông Nhà Bè	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở - ban - ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện Củ Chi, Hóc Môn, Nhà Bè, quận Thủ Đức, 9, 12, 2, 7.	Quý III/2011
2.	Đề án quản lý việc san lắp và xây dựng công trình trên sông, kênh, rạch, đầm hồ công cộng bảo đảm diện tích các khu đất ngập nước tại những nơi có địa hình thấp, diện tích sông rạch và tạo cảnh quan đô thị.	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Các sở - ban - ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các quận - huyện	Quý III/2011
3.	Hoàn thành quy hoạch xây dựng 1/2000 (1), xác định mép bờ cao, xác định chính xác hàng lang bảo vệ sông, kênh, rạch để phục vụ cho công tác giải tỏa lấn chiếm kênh rạch (2)	(1) Sở Quy hoạch - Kiến trúc. (2) Sở Giao thông vận tải và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở - ban - ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các quận - huyện	Quý II/2011 Để các quận xác định quy mô giải tỏa, nạo vét kênh rạch

TT	NỘI DUNG	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN
4.	Quy hoạch tổng thể hệ thống các hồ điều tiết tại khu vực phù hợp (1), lập thiết kế, xây dựng 1 số hồ điều tiết tại Khu Thủ Thiêm (quận 2), dô thị Tây Bắc (Củ Chi), Bình Chánh, quận 12 để rút kinh nghiệm về kỹ thuật (2).	Trung tâm điều hành Chương trình chống ngập	Các sở - ban - ngành và Ủy ban nhân dân các quận - huyện liên quan	(1) Quý IV/2011 (2) Quý II/2011
5.	Lập quy hoạch tích hợp để giảm thiểu nguy cơ ngập một cách bền vững	Trung tâm điều hành Chương trình chống ngập	Các sở - ban - ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các quận - huyện	Quý III/2012
6.	Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, huy động các nguồn vốn của các nhà đầu tư trong và ngoài nước xây dựng hệ thống thoát nước, đặc biệt là các nhà máy xử lý nước thải.	Viện Nghiên cứu phát triển	Các sở - ban - ngành liên quan	Quý III/2012
7.	Xây dựng kế hoạch cân đối nguồn vốn đầu tư phát triển hạ tầng thoát nước, chống ngập	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở - ban - ngành liên quan	Quý IV/ hàng năm
8.	Xây dựng lộ trình tăng phí thoát nước đảm bảo đến năm 2015, phí thoát nước đáp ứng đủ cho nhu cầu quản lý, vận hành hệ thống thoát nước, xử lý môi trường nước.	Sở Tài chính và Trung tâm điều hành Chương trình chống ngập	Các sở - ban - ngành liên quan	Quý IV/2010
9.	Tập trung chỉ đạo xử lý có hiệu quả các điểm ngập nước hiện hữu; thực hiện các giải pháp kỹ thuật thoát nước cấp bách, nạo vét thông thoáng dòng chảy tại các cửa xả, kênh, rạch bị lấn chiếm nhằm kéo giảm mức độ ngập.	Trung tâm điều hành Chương trình chống ngập	Công ty TNHH 1 thành viên thoát nước đô thị và Ủy ban nhân dân các quận - huyện	Lập kế hoạch thực hiện hàng năm

TT	NỘI DUNG	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN
10.	Tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; khắc phục tình trạng xâm hại gây ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước hiện hữu và gây ngập do thi công các công trình.	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm điều hành Chương trình chống ngập, Công ty TNHH một thành viên thoát nước đô thị và Ủy ban nhân dân các quận - huyện.	Lập kế hoạch thực hiện hàng năm
11.	Xây dựng quy định về vị trí các tuyến đê trong chỉ giới đường sông để thuận lợi khi xây dựng, sửa chữa; đồng thời hạn chế tình trạng lấn chiếm, bảo vệ an toàn cho tuyến đê và tăng dung tích chứa nước khi có mưa, triều, lũ.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở - ban - ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các quận - huyện	Quý I/2011
12.	Nghiên cứu ứng dụng các công nghệ mới trong thi công các công trình thoát nước, bảo vệ bờ sông, kênh, rạch như đê, kè, v.v… bảo đảm tính bền vững, hiệu quả kinh tế cao và mỹ quan đô thị (1). Trình dự án sản xuất cừ uPVC (2)	Trung tâm điều hành Chương trình chống ngập	(1) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng. (2) Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn.	Quý III/2011
13.	Tập trung chỉ đạo tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án thoát nước, chống ngập giai đoạn 2005 - 2010:	Các chủ đầu tư các dự án	Các sở - ban - ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các quận - huyện	Thường xuyên
14.	Tập trung vốn, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính (1) để đẩy nhanh tiến độ công tác chuẩn bị đầu tư và tổ chức thực hiện các dự án đê bao và cống kiểm soát triều, nạo vét các kênh rạch thoát nước quan trọng; các dự án tiêu thoát nước và xử lý nước thải cho các vùng phía Bắc, Tây, Đông - Nam, Đông - Bắc và vùng phía Nam thành phố (2)	(1) Sở Kế hoạch và Đầu tư (2) Trung tâm điều hành chương trình chống ngập nước	Các sở - ban - ngành liên quan Ban Chỉ đạo cải cách hành chính thành phố	(1) Quý I/2011 (2) Tháng 12/2010

TT	NỘI DUNG	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN
15.	Xây dựng cơ chế, chính sách, tạo điều kiện thuận lợi trong việc tăng cường trao đổi, hợp tác khoa học - công nghệ với các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, các viện, trường đại học	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Trung tâm điều hành Chương trình chống ngập nước	Quý III/2011
16.	Xây dựng kế hoạch triển khai hợp tác nghiên cứu các đề tài khoa học nghiên cứu để nâng cao khả năng thích nghi và ứng phó biến đổi khí hậu...	Sở Khoa học và Công nghệ	Đại học Quốc gia, các sở - ban - ngành liên quan	Quý II/2011
17.	Đề án tập trung đầu mối, thống nhất tổ chức quản lý hệ thống thoát nước, xử lý nước thải và các công trình kiểm soát triều để quản lý ngập do biến đổi khí hậu, góp phần tạo bước đột phá trong công tác chỉ đạo, điều hành chống ngập trên địa bàn.	Trung tâm điều hành Chương trình chống ngập	Sở Nội vụ	Quý I/2011
18.	Đề án xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu của mạng lưới thoát nước trên nền số hóa và xây dựng mô hình quản lý, điều khiển hệ thống scada...	Trung tâm điều hành Chương trình chống ngập	Đại học Quốc gia, các sở - ban - ngành liên quan	Quý II/2011
19.	Bổ sung thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính của các cơ quan thanh tra trong phạm vi, chức năng quản lý nhà nước thuộc chuyên ngành thoát nước, chống ngập úng đô thị	Sở Nội vụ	Sở Tư pháp, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng	Tháng 12/2010

TT	NỘI DUNG	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN
20.	Xây dựng đề án: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân tham gia thực hiện có hiệu quả phong trào " Vì một thành phố sạch đẹp"; tăng cường các chuyên trang, chuyên mục, phim tài liệu, phóng sự chuyên đề tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm cộng đồng trong thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường; kịp thời phê phán các hành vi vi phạm, biểu dương, nhân rộng các điển hình trong thực hiện chương trình.	Trung tâm điều hành Chương trình chống ngập	Sở Thông tin và Truyền thông, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh và các đoàn thể	Quý II/2011

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 2

BẢNG TỔNG HỢP NHU CẦU VỐN TỪNG NĂM GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 26/2011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	PHÂN LOẠI	SỐ DỰ ÁN	TỔNG VỐN ĐẦU TƯ (Tỷ đồng)		NHU CẦU VỐN TỪNG NĂM (TỶ ĐVN)				
				2010	2011	2012	2013	2014	2015
A	**CẢI TẠO NÂNG CẤP HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC**	159	**9.523,296**		367,721	1.133,786	1.517,860	2.527,133	3.976,797
B	**HỆ THỐNG THU GOM VÀ NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI**	8	**55.251,571**	**2.534,980**	**9.257,516**	**10.523,410**	**10.861,700**	**10.063,320**	**6.049,880**
	VỐN VAY	5	**30.149,830**	2.534,980	5.067,570	5.523,410	5.861,700	5.063,320	1.569,880
	VỐN NGÂN SÁCH	3	**25.101,741**		4.189,946	5.000,000	5.000,000	5.000,000	4.480,000
C	**NHÓM DỰ ÁN KIỂM SOÁT TRIỀU**	17	**15.064,579**		3.311,985	3.006,741	2.895,839	2.900,000	4.320,000
	TỔNG CỘNG (A+B+C)	**184**	**79.839,446**	**2.534,980**	**12.937,222**	**14.663,937**	**15.275,399**	**15.490,453**	**14.346,677**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 2A

CẢI TẠO, NÂNG CẤP VÀ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 26/2011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT		Danh mục	Địa điểm	Hiện trạng	Quy mô	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Nhu cầu vốn từng năm (tỷ đồng)					Ghi chú
							2011	2012	2013	2014	2015	
I. CẢI TẠO NÂNG CẤP HTTN												
1. LƯU VỰC VÙNG TRUNG TÂM												
a. Cải tạo cống cũ, xuống cấp, có nguy cơ sụp cao												
1	1	Cải tạo HTTN đường Hai Bà Trưng (từ Nguyễn Thị Minh Khai đến công trường Mê Linh)	Q.1	Cống vòm xuống cấp	- Chiều dài L = 1300m - Lắp đặt cống tròn D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	48,304	9,661	38,643				
2	2	Cải tạo HTTN đường Phạm Ngũ Lão (từ Cống Quỳnh đến Nguyễn Thái Học)	Q.1	Cống tròn D800	- Chiều dài L = 750m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	24,433	7,330	17,103				Cấp bách

3	3	Cải tạo HTTN đường Phạm Ngũ Lão (từ Nguyễn Thái Học đến Phó Đức Chính)	Q.1	Cống vòm xuống cấp	- Chiều dài L = 650m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	21,133		4,227	16,906			
4	4	Cải tạo HTTN đường Nguyễn Đình Chiểu (từ Hai Bà Trưng đến Đinh Tiên Hoàng)	Q.1	Cống vòm B800	- Chiều dài L = 600m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D1200. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	20,442		4,088	16,354			
5	5	Cải tạo HTTN đường Trương Quyền (từ Võ Thị Sáu đến Điện Biên Phủ)	Q.1	Cống D400, D800	- Chiều dài L = 280m - Lắp đặt cống tròn D800. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	7,833		1,567	6,266			
6	6	Cải tạo HTTN đường Mai Thị Lựu - Nguyễn Huy Tự (từ Đinh Tiên Hoàng đến Nguyễn Đình Chiểu)	Q.1	Cống D400, D800	- Chiều dài L = 350m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	11,414		2,283	9,131			

7	7	Cải tạo HTTN đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa (từ Nguyễn Thị Minh Khai đến Bến Chương Dương)	Q.1	Cống vòm xuống cấp	- Chiều dài L = 1250m - Lắp đặt cống tròn D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	46,372		9,274	37,098			
8	8	Cải tạo HTTN đường Đinh Tiên Hoàng (từ Nguyễn Đình Chiểu đến Võ Thị Sáu)	Q.1	Cống vòm xuống cấp	- Chiều dài L = 650m - Lắp đặt cống tròn D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	24,101		4,820	19,281			
9	9	Cải tạo HTTN đường Đồng Khởi (từ sông Sài Gòn đến đường Nguyễn Du)	Q.1	Cống vòm xuống cấp	- Chiều dài L = 1000m - Lắp đặt cống tròn D1500 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	44,413				8,883	35,530	
10	10	Cải tạo HTTN đường Cống Quỳnh (từ Nguyễn Thị Minh Khai đến Nguyễn Cư Trinh)	Q.1	Cống tròn xuống cấp	- Chiều dài L = 1000m - Lắp đặt cống tròn D1200 - D2000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	50,365				10,073	40,292	

11	11	Cải tạo HTTN đường Pasteur (từ Lê Thánh Tôn đến Bến Chương Dương)	Q.1	Cống vòm xuống cấp	- Chiều dài L = 900m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	30,711				6,142	24,569	
12	12	Cải tạo HTTN đường Trần Cao Vân (từ Mạc Đĩnh Chi đến Hai Bà Trưng)	Q.3	Cống D400, D500	- Chiều dài L = 300m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D1200. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	10,269				2,054	8,215	
13	13	Cải tạo HTTN đường Lý Thái Tổ (từ số nhà 106B đến Ngã sáu)	Q.3	Cống tròn D500	- Chiều dài L = 500m - Lắp đặt cống tròn D800 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	14,026	4,208	9,818				Cấp bách
14	14	Cải tạo HTTN đường Võ Văn Tần (từ CMT8 đến Cao Thắng)	Q.3	Cống D400, D600	- Chiều dài L = 800m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D1500. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	30,174			6,035	24,139		

15	15	Cải tạo HTTN đường Đỗ Ngọc Thạnh (từ Nguyễn Chí Thanh đến Tân Hưng)	Q.5	Cống tròn xuống cấp	- Chiều dài L = 300m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1000. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	8,891	2,667	6,224				Cấp bách
16	16	Cải tạo HTTN đường Dương Tử Giang (từ Tân Thành đến Trang Tử)	Q.5	Cống vòm [0,8x1,7]m	- Chiều dài L = 490m - Lắp đặt cống tròn D1200 - D1500. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	24,459	7,338	17,121				Cấp bách
17	17	Cải tạo HTTN đường Trần Nhân Tôn (từ Hòa Hảo đến An Dương Vương)	Q.5	Cống tròn D600	- Chiều dài L = 590m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1000. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	17,425	5,228	12,198				Cấp bách
18	18	Cải tạo HTTN đường Nguyễn Trãi (từ Tản Đà đến Châu Văn Liêm)	Q.5	Cống vòm [0,8x0,6]m	- Chiều dài L = 700m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1000. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	20,691	6,207	14,484				Cấp bách

19	19	Cải tạo HTTN đường Nguyễn Trãi (từ Trần Phú đến Tản Đà)	Q.5	Cống D400, D500, D600	- Chiều dài L = 700m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1000. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	20,691		4,138	16,553			
20	20	Cải tạo HTTN đường Nguyễn Trãi (từ Châu Văn Liêm đến Nguyễn Thị Nhỏ)	Q.5	Cống D400, D500, D600	- Chiều dài L = 1000m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1000. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	29,500				5,900	23,600	
21	21	Cải tạo HTTN đường Trần Phú (từ Nguyễn Tri Phương đến Nguyễn Trãi)	Q.5	Cống vòm [0,8x1,4]m	- Chiều dài L = 350m - Lắp đặt cống tròn D1000, D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	11,948	3,584	8,364				Cấp bách
22	22	Cải tạo HTTN đường An Dương Vương (từ Trần Bình Trọng đến Nguyễn Văn Cừ)	Q.5	Cống vòm [0,8x1,4]m	- Chiều dài L = 400m - Lắp đặt cống tròn D1000, D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	13,628	4,088	9,540				Cấp bách

23	23	Cải tạo HTTN đường An Dương Vương (từ Sư Vạn Hạnh đến Ngô Quyền)	Q.5	Cống vòm [0.8mx1.4m]	- Chiều dài L = 400m - Lắp đặt cống tròn D1000, D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	12,409		2,482	9,927			
24	24	Cải tạo HTTN đường Hùng Vương (từ Ngô Quyền đến Đồ Ngọc Thạch)	Q.5	Cống D400, D600, Vòm (0.8x1.4)m, (1.4x1.6)m	- Chiều dài L = 1140m - Lắp đặt 02 cống tròn D1000 - D1200. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	75,018	15,004	60,014				
25	25	Cải tạo HTTN đường Phan Văn Trị (từ Nguyễn Văn Cừ đến cuối tuyến)	Q.5	Cống tròn xuống cấp	- Chiều dài L = 265m - Lắp đặt cống tròn D800 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	7,442	7,442					
26	26	Cải tạo HTTN đường Lê Quang Sung (từ Trang Tử đến Nguyễn Thị Nhỏ)	Q.5	Cống D600	- Chiều dài L = 360m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D1200. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	12,265	2,453	9,812				

27	27	Cải tạo HTTN đường Tân Hưng (từ Lương Nhữ Học đến Dương Tử Giang)	Q.5	Cống tròn xuống cấp	- Chiều dài L = 300m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1000. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	8,891	8,891					
28	28	Cải tạo HTTN đường Trần Hưng Đạo (từ Châu văn Liêm đến Học Lạc)	Q.5	Cống D400	- Chiều dài L = 490m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D1200. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	16,671		3,334	13,337			
29	29	Cải tạo HTTN đường Tân Thành (từ Nguyễn Thị Nhỏ đến Thuận Kiều)	Q.5	Cống tròn xuống cấp	- Chiều dài L = 820m - Lắp đặt cống tròn D800. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	22,979		4,596	18,383			
30	30	Cải tạo HTTN đường Trang Tử (từ Đỗ Ngọc Thạch đến Nguyễn Thị Nhỏ)	Q.5	Cống D400	- Chiều dài L = 630m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D1500. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	23,788		4,758	19,030			

31	31	Cải tạo HTTN đường Phùng Hưng (từ Hồng Bàng đến Hải Thượng Lãng Ông)	Q.5	Cống D400	- Chiều dài L = 390m - Lắp đặt cống tròn D800. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	10,930		2,186	8,744			
32	32	Cải tạo HTTN đường Hải Thượng Lãng Ông (từ Đỗ Ngọc Thạch đến Châu Văn Liêm)	Q.5	Cống D400, D600	- Chiều dài L = 360m - Lắp đặt 02 cống tròn D800 - D1000. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	20,500		4,100	16,400			
33	33	Cải tạo HTTN đường Lê Lai (từ Nguyễn Trãi đến Phan Chu Trinh)	Q.5	Cống D1000, D1200	- Chiều dài L = 2100m - Lắp đặt cống hộp 2x[1,5x1,5]m - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	189,653			18,965	56,896	113,792	
34	34	Cải tạo HTTN đường Phạm Hữu Chí (từ Võ Trường Toản đến Thuận Kiều)	Q.5	Cống tròn xuống cấp	- Chiều dài L = 720m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1000. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	21,240			4,248	16,992		

35	35	Cải tạo HTTN đường Lê Quang Sung (từ Minh Phụng đến rạch Lò Gốm)	Q.6	Cống D400	- Chiều dài L = 500m - Lắp đặt cống tròn D800, D1000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	14,791	4,437	10,354				Cấp bách
36	36	Cải tạo HTTN đường Lê Quang Sung (từ Mai Xuân Thưởng đến Minh Phụng)	Q.6	Cống D400, D600	- Chiều dài L = 580m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D1500. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	21,928			4,386	17,542		
37	37	Cải tạo HTTN đường Hoàng Lệ Kha (từ Hồng Bàng đến Lò Gốm)	Q.6	Cống tròn xuống cấp	- Chiều dài L = 300m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D1200. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	10,269			2,054	8,215		
38	38	Cải tạo HTTN đường Hậu Giang, Tháp Mười (từ Ngô Nhân Tịnh đến Minh Phụng)	Q.6	Cống D500, D600, D700 đi 2 bên đường	- Chiều dài L = 1300m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1000. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	21,000	7,000	14,000				Đã được UBND chấp thuận tại thông báo số 708/TB-VP ngày 17/11/2010

39	39	Cải tạo HTTN đường Phạm Đình Hổ (từ Hồng Bàng đến Lê Quang Sung)	Q.6	Cống D600	- Chiều dài L = 300m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1000. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	8,891		1,778	7,113			
40	40	Cải tạo HTTN đường Tân Hòa Đông (từ An Dương Vương đến VX Phú Lâm)	Q.6	Cống D400, D800	- Chiều dài L = 1400m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1000. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	41,300			8,260	33,040		
41	41	Cải tạo HTTN đường Vĩnh Viễn (từ Ngô Gia Tự đến Nguyễn Tri Phương)	Q.10	Cống tròn D500	- Chiều dài L = 500m - Lắp đặt cống tròn D800 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	14,026	4,208	9,818				Cấp bách
42	42	Cải tạo HTTN đường Vĩnh Viễn (từ Ngô Quyền đến Lý Thường Kiệt)	Q.10	Cống D600	- Chiều dài L = 650m - Lắp đặt cống tròn D800 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	18,166	3,633	14,533				

43	43	Cải tạo HTTN đường Nguyễn Chí Thanh (từ Hùng Vương đến Sư Vạn Hạnh)	Q.10	Cống tròn D600	- Chiều dài L = 200m - Lắp đặt cống tròn D800 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	5,595	1,679	3,917				Cấp bách
44	44	Cải tạo HTTN đường Nguyễn Chí Thanh (từ Ngô Quyền đến Lý Thường Kiệt)	Q.10	Cống vòm [0,8x1,4]m	- Chiều dài L = 450m - Lắp đặt cống tròn D1500 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	19,957	5,987	13,970				Cấp bách
45	45	Cải tạo HTTN đường Nguyễn Chí Thanh (từ Sư Vạn Hạnh đến Ngô Quyền)	Q.10	Cống D600	- Chiều dài L = 900m - Lắp đặt cống tròn D800 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	25,217		5,043	20,174			
46	46	Cải tạo HTTN đường Lý Thường Kiệt (từ 3 Tháng 2 đến Tân Phước)	Q.10	Cống vòm [0,8x1,4]m	- Chiều dài L = 350m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	11,948	3,584	8,364				Cấp bách

47	47	Cải tạo HTTN đường Ngô Gia Tự (từ ngã Bảy đến Nguyễn Tri Phương)	Q.10	Cống tròn xuống cấp	- Chiều dài L = 1150m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D1200 hai bên đường - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	78,409			15,682	62,727		
48	48	Cải tạo HTTN đường Lý Thường Kiệt (từ Tân Phước đến Hùng Vương)	Q.10	Cống vòm [0.8mx1.4m]	- Chiều dài L = 700m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	23,897			4,779	19,118		
49	49	Cải tạo HTTN đường Hòa Hảo (từ Trần Nhân Tôn đến Nguyễn Tri Phương)	Q.10	Cống tròn D600	- Chiều dài L = 700m - Lắp đặt cống tròn D1000, D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	23,897	7,169	16,728				Cấp bách
50	50	Cải tạo HTTN đường Hòa Hảo (từ Nguyễn Tri Phương đến Ngô Quyền)	Q.10	Cống D600	- Chiều dài L = 400m - Lắp đặt cống tròn D1000, D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	13,628		2,726	10,902			

51	51	Cải tạo HTTN đường Hòa Hảo (từ Lý Thường Kiệt đến Lê Đại Hành)	Q.10	Cống D600	- Chiều dài L = 250m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	8,494				1,699	6,795	
52	52	Cải tạo HTTN đường Đồng Nai (từ Tô Hiến Thành đến Bắc Hải)	Q.10	Cống D400, D800	- Chiều dài L = 800m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	23,600		4,720	18,880			
53	53	Cải tạo HTTN đường Nhật Tảo (từ Nguyễn Duy Dương đến Ngô Quyền)	Q.11	Cống tròn D600	- Chiều dài L = 630m - Lắp đặt cống tròn D800. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	17,644	5,293	12,351				Cấp bách
54	54	Cải tạo HTTN đường Thái Phiên (từ 3 Tháng 2 đến Hùng Vương)	Q.11	Cống tròn xuống cấp	- Chiều dài L = 200m - Lắp đặt cống tròn D800. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	5,595	5,595					

55	55	Cải tạo HTTN đường Hàn Hải Nguyên (từ Minh Phụng đến 3 Tháng 2)	Q.11	Cống D600	- Chiều dài L = 600m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D1500. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	22,631	4,526	18,105				
56	56	Cải tạo HTTN đường 3 Tháng 2 (từ Hàn Hải Nguyên đến Lê Đại Hành)	Q.11	Cống tròn xuống cấp	- Chiều dài L = 1000m - Lắp đặt cống tròn D1200 - D1500. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	40,765		8,153	32,612			
57	57	Cải tạo HTTN đường Bà Hạt (từ Nguyễn Kim đến Ngô Gia Tự)	Q.11	Cống D400, D500	- Chiều dài L = 1400m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1000. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	41,300		8,260	33,040			
58	58	Cải tạo HTTN đường Phú Thọ (từ Lạc Long Quân đến Hồng Bàng)	Q.11	Cống D400, D800	- Chiều dài L = 500m - Lắp đặt cống tròn D1200. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	18,610		3,722	14,888			

59	59	Cải tạo HTTN đường Đỗ Tấn Phong (từ Hoàng Văn Thụ đến Chiến Thắng)	Q. Phú Nhuận	Cống cũ nát	- Chiều dài L = 650m - Lắp đặt cống tròn D600, D800. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	9,493	1,899	7,594				
60	60	Cải tạo HTTN đường Bùi Đình Tuý (từ Hẻm 304 đến cầu Bùi Đình Túy)	Q. Bình Thạnh	Cống D600, D800	- Chiều dài L = 1000m - Xây dựng HTTN và thảm bê tông nhựa mặt đường	55,000	20,000	35,000				Được chấp thuận tại TB số 708/TB-VP ngày 17/11/2010
61	61	Cải tạo HTTN đường Chu Văn An (từ ngã năm Bình Hòa đến cầu Chu Văn An)	Q. Bình Thạnh	Cống D600, D800	- Chiều dài L = 1000m - Xây dựng HTTN hai bên vỉa hè, mở rộng đường lộ giới 25m, thảm bê tông nhựa mặt đường	95,000	0,200	28,440	66,360			Được chấp thuận tại TB số 708/TB-VP ngày 17/11/2010
62	62	Cải tạo HTTN đường Nguyễn Xí (từ Đinh Bộ Lĩnh đến cầu Đỏ)	Q. Bình Thạnh	Cống tròn D800 xuống cấp	- Chiều dài L = 600m - Lắp đặt cống tròn D1000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	18,614	3,723	14,891				
63	63	Cải tạo HTTN đường Lam Sơn (từ Phan Đăng Lưu đến Nguyễn Văn Đậu)	Q. Bình Thạnh	Cống nhỏ, cũ nát	- Chiều dài L = 450m - Lắp đặt cống tròn D800, D1000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	13,254		2,651	10,603			

64	64	Cải tạo HTTN đường Nguyễn Huy Tưởng (từ Phan Đăng Lưu đến cuối tuyến)	Q. Bình Thạnh	Cống nhỏ, cũ nát	- Chiều dài L = 150m - Lắp đặt cống tròn D800, D1000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	4,446		0,889	3,557			
65	65	Cải tạo HTTN đường Nơ Trang Long (từ Phan Đăng Lưu đến Lê Quang Định)	Q. Bình Thạnh	Cống cũ nát	- Chiều dài L = 650m - Lắp đặt cống tròn D800, D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	21,133			4,227	16,906		
66	66	Cải tạo HTTN đường An Dương Vương (từ Bà Hom đến Mũi Tàu)	Q. Bình Tân	Cống D600, D1000	- Chiều dài L = 1120m - Lắp đặt cống tròn D1500 - D2000. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	60,494				12,099	48,395	
67	67	Cải tạo HTTN đường Kinh Dương Vương (từ cầu Ông Buông đến Mũi tàu Phú Lâm)	Q. Bình Tân	Cống D800, D1000, D1200	- Chiều dài L = 1800m - Xây dựng cống chính 2 bên đường D1200 - D1500 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	141,835			14,184	42,551	85,101	

68	68	Cải tạo HTTN đường Hậu Giang (từ Thăng Long đến nhà số 17)	Q.Tân Bình	Cống nhỏ, cũ nát	- Chiều dài L = 150m - Lắp đặt cống tròn D800, D1000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	4,446	4,446					
69	69	Cải tạo HTTN đường Nguyễn Hồng Đào (từ Trường Chinh đến Âu Cơ)	Q.Tân Bình	Cống D400, D800	- Chiều dài L = 1100m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D1200. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	37,525		7,505	30,020			
70	70	Cải tạo HTTN đường Phạm Phú Thứ (từ Lạc Long Quân đến Đồng Đen)	Q.Tân Bình	Cống D400, D600	- Chiều dài L = 950m - Lắp đặt cống tròn D1000, D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	32,391			6,478	25,913		
71	71	Cải tạo HTTN đường Ba Vân (từ Nguyễn Hồng Đào đến Âu Cơ)	Q.Tân Bình	Cống D400, D800	- Chiều dài L = 600m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D1200. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	20,442			4,088	16,354		

72	72	Cải tạo HTTN đường Trương Công Định (từ Trường Chinh đến Âu Cơ)	Q.Tân Bình	Cống D400, D800	- Chiều dài L = 850m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D1200. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	28,936				5,787	23,149	
73	73	Cải tạo HTTN đường Đồng Đen (từ Trường Chinh đến Bàu Cát)	Q.Tân Bình	Cống D400, D800	- Chiều dài L = 600m - Lắp đặt cống tròn D1000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	18,614				3,723	14,891	
TỔNG CỘNG (I.1.a)				**Tổng chiều dài L=51225m**		**2046,190**	**167,480**	**508,684**	**548,945**	**396,752**	**424,330**	
b. Cải tạo cống nhỏ, không đủ tiết diện												
74	1	Cải tạo HTTN đường Đặng Nguyên Cẩn (từ Tân Hòa Đông đến cầu Tre)	Q.6	Cống D1200	- Chiều dài L = 300m - Lắp đặt cống hộp [2x2]m (đấu nối với DATP số 3) - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	23,442		4,688	18,754			
75	2	Cải tạo HTTN đường Số 26 (từ An Dương Vương đến rạch Lò Gốm)	Q.6	Cống D400, D1200	- Chiều dài L = 1200m - Lắp đặt cống hộp [2mx2m] - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	108,784			10,878	32,635	65,270	

76	3	Cải tạo HTTN đường Lý Chiêu Hoàng (từ An Dương Vương đến Nguyễn Văn Luông)	Q.6	Cống tròn D800, D1000 (hai bên)	- Chiều dài L = 1300m - Lắp đặt cống D1000, D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	44,339			8,868	35,471		
77	4	Cải tạo HTTN đường Bình Phú (từ Hậu Giang đến Lý Chiêu Hoàng)	Q.6	Cống D400, D1200	- Chiều dài L = 1200m - Lắp đặt cống tròn D1200, D1800 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	54,160			10,832	43,328		
78	5	Cải tạo HTTN đường Chợ Lớn (từ Nguyễn Văn Luông đến Bình Phú)	Q.6	Cống tròn xuống cấp	- Chiều dài L = 500m - Lắp đặt cống tròn D1000, D1200. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	17,083				3,417	13,666	
79	6	Cải tạo HTTN đường Sư Vạn Hạnh (từ 3 Tháng 2 đến Tô Hiến Thành)	Q.10	Cống D400, D800	- Chiều dài L = 1200m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	39,057				7,811	31,246	

80	7	Cải tạo HTTN đường Bàu Cát (từ Trương Công Định đến Võ Thành Trang)	Q.Tân Bình	Cống D400, D1000	- Chiều dài L = 1000m - Lắp đặt cống hộp [1.6mx1.6m] - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	51,365			10,273	41,092		
TỔNG CỘNG (I.1.b)				**Tổng chiều dài L=06700m**		**338,230**	**0,000**	**4,688**	**59,605**	**163,754**	**110,182**	
TỔNG CỘNG (I.1)				**Tổng chiều dài L=57925m**		**2384,420**	**167,480**	**513,372**	**608,549**	**560,506**	**534,512**	
2. LƯU VỰC VÙNG TÂY												
a. Cải tạo cống cũ, xuống cấp, có nguy cơ sụp cao												
81	1	Cải tạo HTTN đường Trương Vĩnh Ký (từ Tân Sơn Nhì đến Nguyễn Xuân Khoát)	Q. Tân Phú	Cống D800	- Chiều dài L = 580m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	18,922	3,784	15,138				
82	2	Cải tạo HTTN đường Gò Dầu (từ Tân Sơn Nhì đến Tân Kỳ - Tân Quý)	Q. Tân Phú	Cống D600	- Chiều dài L = 2080m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	67,698	6,770	20,309	40,619			

83	3	Cải tạo HTTN đường Tân Hương (từ Bình Long đến Độc Lập)	Q. Tân Phú	Cống D800	- Chiều dài L = 1680m - Lắp đặt cống tròn D800-D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	54,679		10,936	43,743			
84	4	Cải tạo HTTN khu vực giới hạn bởi đường Tân Kỳ Tân Quý, Bình Long, Tân Hương, Độc Lập, Tân Sơn Nhì, Trần Văn Ơn	Q. Tân Phú	Cống D600, D800	- Chiều dài L = 2800m - Lắp đặt cống tròn D800-D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	91,132				18,226	72,906	
85	5	Cải tạo HTTN đường Hồ Ngọc Lãm (từ Quốc Lộ 1A đến Bến Phú Định)	Q. Bình Tân	Cống nhỏ, đường thấp	- Chiều dài L = 3500m - Lắp đặt cống tròn D800- D1500 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	126,730			12,673	38,019	76,038	
TỔNG CỘNG (I.2.a)				**Tổng chiều dài L=10640m**		**359,161**	**10,554**	**46,383**	**97,035**	**56,245**	**148,944**	
b. Cải tạo cống nhỏ, không đủ tiết diện												
86	1	Cải tạo HTTN đường Kinh Dương Vương (từ Mũi tàu Phú Lâm đến vòng xoay An Lạc)	Q. Bình Tân	Cống D800, D1000, D1200	- Chiều dài L = 3500m -Xây dựng cống chính 2 bên đường D1200-D1500 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	275,846			27,585	82,754	165,508	

TỔNG CỘNG (I.2.b)				**Tổng chiều dài L=03500m**		**275,846**	**0,000**	**0,000**	**27,585**	**82,754**	**165,508**	
TỔNG CỘNG (I.2)				**Tổng chiều dài L=14140m**		**635,007**	**10,554**	**46,383**	**124,620**	**138,999**	**314,451**	
3. LƯU VỰC VÙNG BẮC												
a. Cải tạo cống cũ, xuống cấp, có nguy cơ sụp cao												
87	1	Cải tạo HTTN đường Nguyễn Văn Nghi (từ Nguyễn Kiệm đến cầu Hang)	Q. Gò Vấp	Cống nhỏ, xuống cấp	- Chiều dài L = 1500m - Lắp đặt cống tròn D1000, D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	57,000	10,000	47,000				Được chấp thuận tại TB số 708/TB-VP ngày 17/11/2010
88	2	Cải tạo kênh Tân Trụ (từ Phạm Văn Bạch đến kênh Hy Vọng)	Q. Tân Bình	- B=2-4m. - Kênh nhiều rác, bùn, nước đen và hôi. - Nhiều đoạn kênh được thay bằng cống.	- Chiều dài L = 1200m - Lắp đặt cống hộp, xây dựng đường trên cống hộp. - Nạo vét, mở rộng và kè bờ chống lấn chiếm	162,000	0,500	0,000	0,000	53,833	107,667	Được chấp thuận tại TB số 708/TB-VP ngày 17/11/2010
89	3	Cải tạo HTTN tại vị trí cống băng đường Tân Xuân - Xuân Thới Đông	H.Hóc Môn	Cống nhỏ, xuống cấp	- Chiều dài L = 200m - Làm cống D800 - D1200 dọc Quốc Lộ 22	6,509	6,509					

90	4	Cải tạo HTTN đường Tô Ký (từ rạch Hóc Môn đến Nguyễn Ảnh Thủ)	H.Hóc Môn	Cống D600, D800, kết hợp mương	- Chiều dài L = 500m - Lắp đặt cống tròn D600, D1000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	14,337		2,867	11,470			
91	5	Cải tạo HTTN đường Trần Văn Mười (từ đường Liên Xã đến QL22)	H.Hóc Môn	Đường BT nhựa, rộng từ 6-7m,vỉa hè rộng từ 1-2m, chưa có HTTN	- Chiều dài L = 2200m - Lắp đặt cống tròn D800-D1500. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	59,556				11,911	47,645	
92	6	Cải tạo HTTN đường Liên Xã (từ Nguyễn Thị Sóc đến Trần Văn Mười)	H.Hóc Môn	Đường BT nhựa, rộng từ 6-7m, chưa có HTTN	- Chiều dài L = 1600m - Lắp đặt cống tròn D800, D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	52,075				10,415	41,660	
TỔNG CỘNG (I.3.a)				**Tổng chiều dài L=7200m**		**351,48**	**17,01**	**49,87**	**11,47**	**76,16**	**196,97**	
b. Cải tạo cống nhỏ, không đủ tiết diện												
93	1	Cải tạo HTTN đường Nguyễn Ảnh Thủ (từ Tô Ký đến QL22)	H.Hóc Môn - Q.12	2 cống D600	- Chiều dài L = 1700m - Lắp đặt cống tròn D1000-D1500 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	64,17				12,83	51,34	

TỔNG CỘNG (I.3.b)				**Tổng chiều dài L = 1700m**		**64,172**	**0,000**	**0,000**	**0,000**	**12,834**	**51,338**	
TỔNG CỘNG (I.3)				**Tổng chiều dài L = 8900m**		**415,649**	**17,009**	**49,867**	**11,470**	**88,994**	**248,309**	
4. LƯU VỰC VÙNG ĐÔNG NAM												
a. Cải tạo cống cũ, xuống cấp, có nguy cơ sụp cao												
94	1	Cải tạo HTTN khu vực đường Lê Văn Thịnh và đường Số 22 (từ đường Nguyễn Thị Định đến Nguyễn Duy Trinh)	Q.2	Cống D800 và hầm ga thu 2 bên đường	- Chiều dài L = 1700m - Lắp đặt cống tròn D800-D1000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	50,191				10,038	40,153	
95	2	Cải tạo HTTN đường Thảo Điền - Quốc Hương - Xuân Thủy - Nguyễn Văn Hưởng (khu dân cư Thảo Điền)	Q.2	Cống D800 và hầm ga thu 2 bên đường	- Chiều dài L = 6500m - Lắp đặt cống tròn D1000-D1500 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	245,219			24,522	73,566	147,131	
TỔNG CỘNG (A.4.a)				**Tổng chiều dài L=8200m**		**295,410**	**0,000**	**0,000**	**24,522**	**83,604**	**187,284**	
b. Cải tạo cống nhỏ, không đủ tiết diện												
96	1	Cải tạo HTTN đường Lương Định Của (từ Trần Não đến phà Thủ Thiêm)	Q.2	Cống tròn xuống cấp	- Chiều dài L = 2500m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D2000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	118,355			23,671	94,684		

97	2	Cải tạo HTTN đường Nguyễn Thị Định (từ Lương Định Của đến đường 25B)	Q.2	Cống D800 và hầm ga thu 2 bên đường	- Chiều dài L = 4000m - Lắp đặt cống tròn D1200-D2000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	201,460			40,292	161,168		
TỔNG CỘNG (I.4.b)				**Tổng chiều dài L = 6500m**		**319,815**	**0,000**	**0,000**	**63,963**	**255,852**	**0,000**	
TỔNG CỘNG (I.4)				**Tổng chiều dài L = 14700m**		**615,225**	**0,000**	**0,000**	**88,485**	**339,456**	**187,284**	
5. LƯU VỰC VÙNG ĐÔNG BẮC												
a. Cải tạo cống cũ, xuống cấp, có nguy cơ sụp cao												
98	1	Cải tạo HTTN đường Kha Vạn Cân (từ Võ Văn Ngân đến cầu Ngang)	Q.Thủ Đức	Cống hộp nhưng hướng thoát nước làm cản trở dòng chảy, gây sạt lở cho các hộ dân xung quanh cầu Ngang	- Chiều dài L = 1000m - Lắp đặt thêm cống tròn D1200 - D1500, phía hạ lưu cầu Ngang - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	4,018	0,804	3,214				
TỔNG CỘNG (I.5)				**Tổng chiều dài L=100m**		**4,018**	**0,804**	**3,214**	**0,000**	**0,000**	**0,000**	
6. LƯU VỰC VÙNG NAM												
a. Cải tạo cống cũ, xuống cấp, có nguy cơ sụp cao												
99	1	Cải tạo HTTN đường Nguyễn Quyền (từ Tùng Thiện Vương đến Bến Bình Đông)	Q.8	Cống tròn D300	- Chiều dài L = 400m - Lắp đặt cống D800, D1000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	10,977	3,293	7,684				Cấp bách

100	2	Cải tạo HTTN đường Lương Ngọc Quyến (từ Tùng Thiện Vương đến Bến Bình Đông)	Q.8	Cống tròn D400	- Chiều dài L = 220m - Lắp đặt cống D600, D800 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	5,992	1,198	4,794				
101	3	Cải tạo HTTN đường Nguyễn Chế Nghĩa (từ Nguyễn Duy đến Bến Bình Đông)	Q.8	Cống tròn D400, D800	- Chiều dài L = 400m - Lắp đặt cống D800, D1000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	11,800	2,360	9,440				
102	4	Cải tạo HTTN đường Trần Nguyên Hãn (từ Bến Bình Đông đến Tùng Thiện Vương)	Q.8	Cống tròn D600	- Chiều dài L = 220m - Lắp đặt cống tròn D800 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	6,193	1,239	4,954				
103	5	Cải tạo HTTN đường Vĩnh Nam (từ Tùng Thiện Vương đến Bến Bình Đông)	Q.8	Cống tròn D600, D800	- Chiều dài L = 170m - Lắp đặt cống tròn D800 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	4,737	0,947	3,790				
104	6	Cải tạo HTTN đường Nguyễn Thị Tần (từ Dạ Nam đến Tạ Quang Bửu)	Q.8	Cống tròn D600	- Chiều dài L = 1100m - Lắp đặt cống D800, D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	16,318			3,264	13,054		

105	7	Cải tạo HTTN đường Hưng Phú (từ cầu Chữ Y đến Chánh Hưng)	Q.8	Cống tròn D400, D600	- Chiều dài L = 1750m - Lắp đặt cống D800, D1000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	51,645			10,329	41,316		
106	8	Cải tạo HTTN đường Hưng Phú (từ Chánh Hưng đến Xóm Củi)	Q.8	Cống tròn D400, D600	- Chiều dài L = 950m - Lắp đặt cống D800, D1000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	28,045				5,609	22,436	
107	9	Cải tạo HTTN đường Phạm Thế Hiển (từ cầu Bà Tàng đến cầu Nhị Thiên Đường)	Q.8	Cống tròn D400, D800	- Chiều dài L = 2100m - Lắp đặt cống D800, D1500 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	76,057				15,211	60,846	
108	10	Cải tạo HTTN đường Phạm Thế Hiển (từ cầu Bà Tàng đến Ba Tơ)	Q.8	Cống tròn D400, D800	- Chiều dài L = 3500m - Lắp đặt cống D800,D1500 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	118,237			11,824	35,471	70,942	
109	11	Cải tạo HTTN đường Bến Phú Định (từ Hồ Ngọc Lãm đến cầu Phú Định)	Q.8	Cống tròn D400, D600	- Chiều dài L = 3500m - Lắp đặt cống D800, D1500 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	118,237			11,824	35,471	70,942	

110	12	Cải tạo HTTN đường Xóm Củi (từ Ba Đình đến Bến Bình Đông)	Q.8	Cống tròn D600, D800	- Chiều dài L = 500m - Lắp đặt cống tròn D800-D1000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	14,791				2,958	11,833	
111	13	Cải tạo HTTN đường Huỳnh Tấn Phát (từ cầu Tân Thuận đến cầu Phú Xuân)	Q.7	Cống D800, D1000	- Chiều dài L = 4000m - Lắp đặt cống hộp 2x[1,5x1,5]m - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	361,161			36,116	108,348	216,697	
TỔNG CỘNG (I.6)				**Tổng chiều dài L=18210m**		**824,190**	**9,038**	**30,662**	**73,356**	**257,440**	**453,695**	
TỔNG CỘNG (I)				**Tổng chiều dài L=113975m**		**4878,509**	**204,884**	**643,498**	**906,480**	**1385,395**	**1738,252**	
II. XÂY DỰNG MỚI HTTN												
1. LƯU VỰC VÙNG TRUNG TÂM												
112	1	XD HTTN đường Tầm Vu (từ Xô Viết Nghệ Tĩnh đến rạch Xuyên Tâm)	Q. Bình Thạnh	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 800m - Lắp đặt cống tròn D1500, D1800 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	42,520	8,504	34,016				

113	2	XD HTTN đường hẻm 10 - hẻm Bến xe Miền Đông (từ Xô Viết Nghệ Tĩnh đến rạch Xuyên Tâm)	Q. Bình Thạnh	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 700m - Lắp đặt cống tròn D1500, D1800 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	52,000	5,200	15,600	31,200			
114	3	XD HTTN hẻm 618/1 - hẻm 618/8 (đường Xô Viết Nghệ); hẻm 79B (đường Nguyễn Xí)	Q. Bình Thạnh	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 650m - Lắp đặt cống tròn D600, D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	19,173		3,835	15,338			
115	4	XD HTTN đường Số 14 (từ đường Lê Văn Quới đến kênh Nước Đen)	Q. Bình Tân	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 1400m - Lắp đặt 750m cống hộp [2.0x1.6]m (phần còn lại) - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	46,822	9,364	37,458				
116	5	XD HTTN đường An Dương Vương (từ Lý Chiêu Hoàng đến cầu Mỹ Thuận)	Q. Bình Tân	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 680m - Lắp đặt cống hộp [2.5x2.5]m. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	82,887	16,577	66,310				
TỔNG CỘNG (II.1)				**Tổng chiều dài L=3580m**		**243,402**	**39,646**	**157,218**	**46,538**	**0,000**	**0,000**	

2. LƯU VỰC VÙNG TÂY												
117	1	XD HTTN đường Trần Đại Nghĩa (từ QL 1A đến cầu Cái Trung)	Q. B.Tân - Bình Chánh	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 2000m - Xây dựng cống chính D1200 - D2000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	200,000	0,500	39,900	159,600			Được chấp thuận tại TB số 708/TB-VP ngày 17/11/10
118	2	XD HTTN đường Trần Đại Nghĩa (từ Lê Ngung đến cầu Cái Trung)	Q. B.Tân - Bình Chánh	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 1300m - Xây dựng cống chính D1200 - D2000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	126,847	1,000		25,169	50,339	50,339	
119	3	XD HTTN đường Trịnh Quang Nghị (từ trường Phong Phú đến Quốc lộ 50)	Q. Bình Chánh	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 200m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1000. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	5,900	5,900					
120	4	XD HTTN Quốc lộ 1 (từ Đại lộ Đông Tây đến cầu Bình Điền)	Q. Bình Chánh	Mương thoát nước	- Chiều dài L = 1000m - Xây dựng cống chính 2 bên đường D1200 - D1500 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	78,797		15,759	63,038			

121	5	XD HTTN đường Trịnh Quang Nghị (từ Nguyễn Văn Linh đến Quốc lộ 50)	Q. Bình Chánh	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 2300m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1500 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	83,296			8,330	24,989	49,978	
122	6	XD HTTN đường An Dương Vương (từ cầu Mỹ Thuận đến Bến Phú Định)	Q.Bình Tân	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 2800m - Lắp đặt cống D800- D1500 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	94,590			9,459	28,377	56,754	
TỔNG CỘNG (II.2)				**Tổng chiều dài L=9600m**		**589,430**	**7,400**	**55,659**	**265,596**	**103,705**	**157,070**	
3. LƯU VỰC VÙNG BẮC												
123	1	XD HTTN đường Quốc Lộ 1A (từ Lê Thị Riêng đến Nguyễn Văn Quá)	Q.12	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 1600m - Lắp đặt 2 cống tròn D1000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	108,000	20,000	88,000				Được chấp thuận tại TB số 708/TB-VP ngày 17/11/2010
124	2	XD HTTN đường Quốc Lộ 1A (từ cầu vượt An Sương đến Nguyễn Văn Quá)	Q.12	Mương thoát nước	- Chiều dài L = 1400m - Lắp đặt cống tròn D1000, D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	95,397			9,540	28,619	57,238	

125	3	XD HTTN đường Quốc Lộ 1A (từ Lê Thị Riêng đến Ngã tư Ga)	Q.12	Mương thoát nước	- Chiều dài L = 2900m - Lắp đặt cống tròn D1000, D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	197,703			19,770	59,311	118,622	
126	4	XD HTTN đường Quốc Lộ 1A (từ cầu vượt Bình Phước đến Ngã tư Ga)	Q.12	Mương thoát nước	- Chiều dài L = 3500m - Lắp đặt cống tròn D1000, D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	238,588			23,859	71,576	143,153	
127	5	XD HTTN đường Lê Lai (suốt)	Q. Gò Vấp	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 400m - Lắp đặt cống tròn D800 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	11,191	11,191					
128	6	XD HTTN đường Lê Lợi (từ Nguyễn Văn Bảo đến Lê Lai)	Q. Gò Vấp	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 460m - Lắp đặt cống tròn D800 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	9,600	9,600					

129	7	XD HTTN đường Trần Quốc Tuấn (từ Lê Quang Định đến Phan Văn Trị)	Q. Gò Vấp	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 600m - Lắp đặt cống tròn D600, D800 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	20,000	15,000	5,000				Được chấp thuận tại TB số 708/TB-VP ngày 17/11/2010
130	8	XD HTTN đường Lê Lợi (từ Lê Lai đến Nguyễn Kiệm)	Q. Gò Vấp	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 1050m - Lắp đặt cống tròn D600, D1000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	30,004			6,001	24,003		
131	9	XD HTTN Quốc Lộ 22 (cống Nước Nhĩ đến Đình Bàu Tre)	H.Củ Chi	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 1200m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D1500 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	28,000	10,000	18,000				Được chấp thuận tại TB số 708/TB-VP ngày 17/11/2010
132	10	XD HTTN Tỉnh Lộ 8 (từ Quốc lộ 22 đến cầu Láng The)	H.Củ Chi	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 6500m - Lắp đặt cống tròn D1000 - cống hộp [2x2]m - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	354,404			35,440	106,321	212,642	

133	11	XD HTTN Tỉnh Lộ 8 (từ cầu Láng The đến Tỉnh lộ 15)	H.Củ Chi	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 4700m - Lắp đặt cống tròn D1000 - cống hộp [2x2]m - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	256,273			25,627	76,882	153,764	
134	12	XD HTTN đường Tỉnh lộ 15 (từ Tỉnh lộ 8 đến cầu Bến Nẩy)	H.Củ Chi	Mương thoát nước	- Chiều dài L = 3700m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D2000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	175,136				35,027	140,109	
135	13	XD HTTN đường Tỉnh lộ 15 (từ Phú Thuận đến cầu Thai Thai)	H.Củ Chi	Mương thoát nước	- Chiều dài L = 900m - Lắp đặt cống tròn D800, D1200 -Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	29,337				5,867	23,470	
136	14	XD HTTN đường Phan Văn Hớn (từ Trần Văn Mười đến Ủy ban nhân dân xã Thới Đông)	H.Hóc Môn	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 1000m - Lắp đặt cống D800 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	27,977			5,595	22,382		
TỔNG CỘNG (II.3)				**Tổng chiều dài L=31510m**		**1581,610**	**65,791**	**111,000**	**125,833**	**429,989**	**848,997**	

4. LƯU VỰC VÙNG ĐÔNG NAM												
137	1	XD HTTN đường Lương Định Của (từ Trần Não đến Nguyễn Thị Định)	Q.2	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 2700m - Lắp đặt cống tròn D1200 - D2000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	136,049			13,605	40,815	81,629	
138	2	XD HTTN đường Nguyễn Thị Định (từ đường 25B đến phà Cát Lái)	Q.2	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 1700m - Lắp đặt cống tròn D1200 - D2000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	85,684				17,137	68,547	
139	3	XD HTTN đường Nguyễn Duy Trinh (từ chợ Gồng Ông Tố đến cầu Xây Dựng)	Q.2	Mương thoát nước	- Chiều dài L = 3600m - Lắp đặt cống tròn D800 - D2000, cống hộp - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	164,860			16,486	49,458	98,916	
140	4	XD HTTN đường vào dạ cầu Sài Gòn (từ Quốc Hương đến Trần Não)	Q.2	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 900m - Lắp đặt cống tròn D600 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	23,584				4,717	18,867	

141	5	XD HTTN đường Nguyễn Văn Tăng (từ Lê Văn Việt đến Nguyễn Xiển)	Q.9	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 2200m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D2000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	104,099		10,410	31,230	62,459		
142	6	XD HTTN đường Tăng Nhơn Phú (từ Đỗ Xuân Hợp đến Đình Phong Phú)	Q.9	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 2000m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D2000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	94,635			9,464	28,391	56,781	
143	7	XD HTTN đường Đỗ Xuân Hợp (cầu Rạch Chiếc đến Nguyễn Duy Trinh)	Q.9	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 2400m - Lắp đặt cống tròn D1200 - D2000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	120,876				24,175	96,701	
144	8	XD HTTN đường Đỗ Xuân Hợp (từ XL Hà Nội đến cầu Rạch Chiếc)	Q.9	HTTN chưa hoàn thiện	- Chiều dài L = 3200m - Lắp đặt cống tròn D1200 - D2000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	161,168			16,117	48,350	96,701	

145	9	XD HTTN đường Lã Xuân Oai (từ Lê Văn Việt đến cầu Rạch Gò Dưa)	Q.9	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 2300m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D2000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	108,891				21,778	87,113	
146	10	XD HTTN đường Lê Văn Việt (từ XL Hà Nội đến Hoàng Hữu Nam)	Q.9	HTTN chưa hoàn thiện	- Chiều dài L = 4700m - Lắp đặt cống tròn D1200 - D2000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	236,779			23,678	71,034	142,067	
147	11	XD HTTN đường Lò Lu (từ Lã Xuân Oai đến Nguyễn Xiển)	Q.9	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 2600m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D2000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	123,026			12,303	36,908	73,816	
148	12	XD HTTN đường Nguyễn Xiển (từ Nguyễn Văn Tăng đến Long Thuận)	Q.9	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 3500m - Lắp đặt cống tròn D1000 - D2000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	165,672			16,567	49,702	99,403	
TỔNG CỘNG (II.4)				**Tổng chiều dài L=31800m**		**1525,323**	**0,000**	**10,410**	**139,449**	**454,923**	**920,541**	

5. LƯU VỰC VÙNG ĐÔNG BẮC												
149	1	XD HTTN đường Tam Bình (từ Hiệp Bình đến Tô Ngọc Vân)	Q.Thủ Đức	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 2800m - Lắp đặt cống tròn D1200 - D2000 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	112,000	20,000	92,000				Được chấp thuận tại TB số 708/TB-VP ngày 17/11/2010
150	2	XD HTTN đường Bình Phú (suốt tuyến)	Q.Thủ Đức	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 1000m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	34,000	10,000	24,000				Được chấp thuận tại TB số 708/TB-VP ngày 17/11/2010
151	3	Nạo vét rạch Nước Trong (từ cầu Ngô Chí Quốc đến ngã ba rạch cầu Đất rạch Bình Thủy)	Q.Thủ Đức	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 1000m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	20,000	10,000	10,000				Được chấp thuận tại TB số 708/TB-VP ngày 17/11/2010
152	4	XD HTTN đường Cây Keo (suốt tuyến)	Q.Thủ Đức	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 1400m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	40,000	10,000	30,000				Được chấp thuận tại TB số 708/TB-VP ngày 17/11/2010

153	5	XD HTTN đường số 2 (từ XL Hà Nội đến đường Số 11)	Q.Thủ Đức	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 1400m - Lắp đặt cống tròn D800 - D1200 - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	45,566				9,113	36,453	
TỔNG CỘNG (II.5)				**Tổng chiều dài L=7600m**		**251,566**	**50,000**	**156,000**	**0,000**	**9,113**	**36,453**	
6. LƯU VỰC VÙNG NAM												
154	1	XD HTTN đường Hoàng Quốc Việt (từ Huỳnh Tấn Phát đến Đào Trí)	Q.7	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 710m - Lắp đặt cống tròn D800, D1000. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	20,965			4,193	16,772		
155	2	XD HTTN đường Chuyên Dùng 9 (từ Huỳnh Tấn Phát đến cuối)	Q.7	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 930m - Lắp đặt cống tròn D800, D1000. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	27,414			5,483	21,931		
156	3	XD HTTN đường Đào Trí (từ Hoàng Quốc Việt đến Gò Ô Môi)	Q.7	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 1900m - Lắp đặt cống tròn D800, D1200. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	61,884				12,377	49,507	

157	4	XD HTTN đường Phạm Hữu Lầu (từ cầu Phước Long đến Lê Văn Lương)	H.Nhà Bè	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 3100m - Lắp đặt cống tròn D800, D1200. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	100,941			10,094	30,282	60,565	
158	5	XD HTTN đường Nguyễn Bình (từ Huỳnh Tấn Phát đến cầu Mương Chuối)	H.Nhà Bè	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 3000m - Lắp đặt cống tròn D1000, D2000, cống hộp. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	141,953			14,195	42,586	85,172	
159	6	XD HTTN đường Đào Sư Tích (từ Lê Văn Lương đến ranh Long An)	H.Nhà Bè	Chưa có HTTN	- Chiều dài L = 3400m - Lắp đặt cống tròn D800, D1000. - Tái lập phui đào và thảm nhựa mặt đường	100,299				20,060	80,239	
TỔNG CỘNG (II.6)				**Tổng chiều dài L=13040m**		**453,456**	**0,000**	**0,000**	**33,965**	**144,008**	**275,483**	
TỔNG CỘNG (II)				**Tổng chiều dài L=97130.000m**		**4644,787**	**162,837**	**490,287**	**611,381**	**1141,738**	**2238,545**	
TỔNG CỘNG (I+II)				**Tổng chiều dài L=211105.000m**		**9523,296**	**367,721**	**1133,786**	**1517,860**	**2527,133**	**3976,797**	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 2B

HỆ THỐNG THU GOM VÀ NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 26/2011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô	Thời gian KC-HT	Tổng vốn đầu tư	Nhu cầu vốn từng năm (triệu đồng)					
						2010	2011	2012	2013	2014	2015
I	**Vốn vay**										
	Tổng cộng				**30.149.830**	**2.534.980**	**5.067.570**	**5.523.410**	**5.861.700**	**5.063.320**	**1.569.880**
1	Dự án Cải thiện môi trường nước TPHCM (GĐ 1)	Thành phố Hồ Chí Minh	- Nạo vét 7,3km và xây dựng 6,3km kè - Cải tạo thoát nước mưa. - Xây dựng 6594m cống chính và 7018m cống nhánh. - Cải tạo 9637m cống hiện hữu và 3km cống chuyển tải. - Xây dựng nhà máy XLNT 141000 m^3/ngày	2004-2011	4.163.950	1.128.000	268.000				
	Tổng cộng				**4.163.950**	**1.128.000**	**268.000**				
2	Dự án Cải thiện môi trường nước lưu vực kênh Bến Nghé - Tàu Hũ - Kênh Đôi - Kênh Tẻ (giai đoạn 2)	Thành phố Hồ Chí Minh	Cải tạo kênh, lắp đặt trạm bơm, xây dựng cống hộp, mở rộng nhà máy xử lý nước thải	2010-2014	8.169.590		1.835.000	2.232.000	2.907.000	2.432.000	953.000

3	Dự án Vệ sinh môi trường TP. Hồ Chí Minh (Lưu vực NL-TN) giai đoạn 1	Thành phố Hồ Chí Minh	- Xây dựng cống bao dài 9 km. - Xây dựng trạm bơm 64000 m^3/giờ. - Cải tạo kênh NL-TN : nạo vét, bờ kè dài 16 km hai bờ kênh. - Thay thế mở rộng khoảng 65 km cống cấp 2, 3	2001-2010	3.695.060	576.360					
	Tổng cộng				**3.695.060**	**576.360**					
4	Dự án Vệ sinh môi trường lưu vực Nhiêu Lộc - Thị Nghè (giai đoạn 2)	Thành phố Hồ Chí Minh	Xây dựng hệ thống cống thu gom và nhà máy xử lý nước thải	2010-2014	400 triệu USD		100 triệu USD	100 triệu USD	100 triệu USD	100 triệu USD	
					7.800.000		1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	
5	Dự án cải thiện hệ thống thoát nước lưu vực Tân Hóa Lò Gốm	Thành phố Hồ Chí Minh	- Cải tạo, lắp đặt mới 23.2 km cống hộp, cống tròn - Cải tạo kênh Tân Hóa-Lò Gốm	2007-2015	6.321.230	830.620	1.014.570	1.341.410	1.004.700	681.320	616.880
	Tổng cộng				**6.321.230**	**830.620**	**1.014.570**	**1.341.410**	**1.004.700**	**681.320**	**616.880**
II	**Vốn ngân sách**				**25.101.741**	**0**	**4.189.946**	**5.000.000**	**5.000.000**	**5.000.000**	**4.480.000**
1	Trạm Xử lý nước thải rạch Suối Nhum	Quận Thủ Đức	Công suất 65.000m^3/ngđ	2008-2011	670.000		570.000				
2	Tiêu thoát nước và cải thiện ô nhiễm kênh Tham Lương - Bến cát - Rạch Nước Lên (giai đoạn 1)	Thành phố Hồ Chí Minh	Nạo vét kênh dài 32.735m, xây dựng 133 cống, sửa chữa 16 cống cũ và 5 cầu giao thông	2007-2011	1.951.741		619.946				

3	Tiêu thoát nước và cải thiện ô nhiễm kênh Tham Lương - Bến cát - Rạch Nước Lên (giai đoạn 2)	Thành phố Hồ Chí Minh	Xây dựng nhà máy Tham Lương - Bến Cát, Tây Sài Gòn; hệ thống thu gom nước mưa, nước thải và Trạm bơm; cống Rạch Nước Lên	2010-2015	22.480.000		3.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000	4.480.000
Tổng cộng (I+II)					**55.251.571**	**2.534.980**	**9.257.516**	**10.523.410**	**10.861.700**	**10.063.320**	**6.049.880**

- Ghi chú: Tỷ giá quy đổi ngày 12/12/2010 là 1 USD = 19500 đồng Việt Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 2C

NHÓM CÁC DỰ ÁN THUỘC QUYẾT ĐỊNH 1547 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 26/2011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô	Thời gian KC-HT	Tổng vốn đầu tư	Nhu cầu vốn từng năm (tỷ đồng)					Ghi Chú
						2011	2012	2013	2014	2015	
	Tổng cộng				**14.664,579**	**3.311,985**	**3.004,741**	**2.795,839**	**2.800,000**	**4.122,000**	
1	Cống kiểm soát triều Nhiêu Lộc - Thị Nghè	Quận 1-Bình Thạnh	Chiều rộng thoát nước B=58m; Cao trình đáy -4m Công suất trạm bơm 48 m^3/s.	2010 - 2012	292,000	250,000	4,344				Áp dụng hình thức tổng thầu EPC
2	Cống kiểm soát triều sông Kinh	Huyện Nhà Bè	Chiều rộng thoát nước B=120m; Cao trình đáy -5,5m	2011-2013	748,000	300,000	300,000	144,500			Áp dụng hình thức tổng thầu EPC
3	Cống kiểm soát triều Tân Thuận	Quận 4-quận 7	Chiều rộng thoát nước B=65m; Cao trình đáy -6m	2011-2013	647,139	200,000	300,000	145,339			Áp dụng hình thức tổng thầu EPC
4	Cống kiểm soát triều Phú Xuân	Huyện Nhà Bè	Chiều rộng thoát nước B=120m; Cao trình đáy -5,5m	2012 - 2014	822,000	1.500,000	150,000	370,000	300,000		Áp dụng hình thức tổng thầu EPC

5	Cống kiểm soát triều Bến Nghé	Quận 1-quận 4	Chiều rộng thoát nước B=20m; Cao trình đáy -4m	2012 - 2013	171,000	1,500	79,000	90,000			Phụ thuộc thời gian hoàn thành công trình hầm Thủ Thiêm. Tổng thầu EPC
6	Cống kiểm soát triều Rạch Tra	Huyện Củ Chi - Hóc Môn	Chiều rộng thoát nước B=60m; Cao trình đáy -4m	2013 - 2015	563,000	1,500	31,000	100,000	300,000	130,000	Phụ thuộc kết quả tính toán phân lũ của Bộ NN và PTNT. Tổng thầu EPC
7	Đê bao ven sông Sài Gòn từ Vàm Thuật đến - Kinh Lộ và các cống dưới đê	Quận 1, 4, 7 Bình Thạnh, huyện Nhà Bè	Chiều dài L=65km Cao trình đỉnh: +3m	2012 - 2016	8.376,000	12,000	1.362,000	1.500,000	2.000,000	3.500,000	
8	Cống kiểm soát triều Vàm Thuật	Quận Bình Thạnh	Chiều rộng thoát nước B=65m; Cao trình đáy -6m	2010-2013	280,000	30,000	150,000	98,000			
9	Bờ tả sông Sài Gòn đoạn còn lại (từ cầu Ngang đến khu đô thị Thủ Thiêm)	Thủ Đức, quận 2	XD tuyến đê bao kết hợp chỉnh trang đô thị L = 8,2km	2010-2015	927,000	35,000	200,000	200,000	200,000	492,000	

10	Đê bao bờ tả ven sông Sài Gòn (từ cầu Bình Phước đến rạch Cầu Ngang)	Thủ Đức	L = 11.344 m đê bao BTCT và 30 cống các loại.	2009-2013	204,000	35,000	21,000	148,000			
11	Xây dựng 05 cống ngăn triều trên rạch Gò Dưa, rạch Ông Dầu, rạch Đá, rạch Thủ Đức và rạch Cầu Đúc Nhỏ	Thủ Đức	Chiều rộng thoát nước từ 20m đến 30m	2009-2012	256,000	100,000	153,000				
12	Đê bao bờ hữu ven sông Sài Gòn từ Vàm Thuật đến Rạch Tra (Nam Rạch Tra)	Quận 12 và huyện Hóc Môn	L = 66,80km đê bao và 219 cống các loại (trong đó đê ven sông Sài Gòn 17,26km và 88 cống)	2002-2011	389,350	315,350					
13	Đê bao bờ hữu ven sông Sài Gòn từ Tỉnh lộ 8 đến Rạch Tra (Bắc Rạch Tra)	Huyện Củ Chi	L = 42,46km đê bao và 140 cống các loại (trong đó đê ven sông Sài Gòn 9,557km và 53 cống)	2002-2011	371,895	197,589					
14	Bờ hữu ven sông Sài Gòn (từ Tỉnh lộ 8 đến Bến Súc)	Huyện Củ Chi	L = 17,3 km; Chiều rộng đê: B = 7,5 m Cao trình đỉnh: +2,8 đến +3 Hệ số mái m = 1,5	2010-2012	541,297	280,000	251,397				

15	Đầu tư nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi An Phú - Phú Mỹ Hưng	Huyện Củ Chi	L = 10,28km Bề rộng mặt đê B = 7m, Cao trình đê +2.2m, Hệ số mái m = 1,5m	2008-2011	62,008	45,488					
16	Hỗ trợ kỹ thuật dự án chống ngập nước khu vực TPHCM	Thành phố Hồ Chí Minh	Đề ra các biện pháp tổng hợp giảm thiểu tình hình ngập lụt của Thành phố Hồ Chí Minh; đồng thời nâng cao trình độ kỹ thuật và năng lực quản lý	2009-2012	500,000 EUR	308,061 EUR	108,000 EUR				
					13,89	8,56	3,00				

* Ghi chú: Tỷ giá quy đổi ngày 12/12/2010 là 1 Euro = 27779 đồng Việt Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 2D

DANH MỤC NẠO VÉT CÁC KÊNH, RẠCH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 26/2011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Danh mục kênh rạch	Chủ đầu tư	Địa điểm	Chiều dài (m)	Ghi chú
1. Các kênh, rạch đang thi công					
1	Kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè	Ban Quản lý dự án Vệ sinh môi trường thành phố lưu vực Nhiêu Lộc - Thị Nghè	Quận 1, 3, Tân Bình	16.000	Thuộc dự án Vệ sinh môi trường thành phố lưu vực Nhiêu Lộc - Thị Nghè
2	Kênh Tàu Hủ - Bến Nghé	Ban Quản lý dự án Xây dựng công trình giao thông đô thị	Quận 1, 5	13.320	Thuộc dự án Giai đoạn 1, 2 Cải thiện môi trường nước
3	Kênh Tham Lương - Bến Cát - rạch Nước Lên	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 8,12, Quận Bình Tân, Tân Bình, Gò Vấp, Bình Thạnh, Huyện Bình Chánh.	30.378	Thuộc công trình Tiêu thoát nước và cải thiện ô nhiễm kênh Tham Lương - Bến Cát - Rạch Nước Lên
4	Kênh Ba Bò	Trung tâm chống ngập	Quận Thủ Đức	2.565	Thuộc dự án Cải tạo Kênh Ba Bò
	TỔNG CỘNG			**59.698**	
2. Các kênh, rạch đã có dự án đầu tư					
1	Kênh Tân Hóa	Ban QLDA Nâng cấp đô thị	Quận 6	4.712	Dự án Nâng cấp đô thị

2	Rạch Hàng Bàng	Ban Quản lý dự án Xây dựng công trình giao thông đô thị	Quận 6	1.177	Dự án lưu vực Tiểu Hàng Bàng
3	Kênh Đồng Tiến	Trung tâm chống ngập	Quận 12	4.200	Thuộc dự án Nạo vét cải tạo kênh tiêu Đồng Tiến
4	Rạch Phan Văn Hân	Ban Đầu tư xây dựng công trình quận Bình Thạnh	Quận Bình Thạnh	1.000	Cải tạo rạch Phan Văn Hân
5	Rạch Cầu Sa	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận Bình Tân	2.800	Cải tạo rạch Cầu Sa
6	Rạch Ông Búp	Trung tâm chống ngập	Quận Bình Tân	2.341	Cải tạo rạch Ông Búp
	TỔNG CỘNG			**16.230**	
3. Các kênh, rạch đang lập dự án đầu tư					
1	Rạch Bàu Trâu	Trung tâm chống ngập	Quận 6, Bình Tân	1.572	Dự án cải tạo rạch Bàu Trâu (từ kênh Tân Hóa - kênh Hiệp Tân)
2	Nạo vét Rạch Nhảy + Rạch Ruột Ngựa	Trung tâm chống ngập	Quận 6, 8, Bình Tân	2.469	Dự án Nạo vét Rạch Nhảy, Rạch Ruột Ngựa
3	Rạch Cầu Suối	Trung tâm chống ngập	Quận 12	4.779	Thuộc dự án Nạo vét cải tạo rạch Cầu Suối
4	Rạch Hai Vịt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	824	Dự án tiêu thoát nước và giải quyết ô nhiễm kênh Tham Lương - Bến Cát - rạch Nước Lên (giai đoạn 2)

5	Kênh Hy Vọng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận Tân Bình	1.118	Dự án tiêu thoát nước và giải quyết ô nhiễm kênh Tham Lương - Bến Cát - rạch Nước Lên (giai đoạn 2)
6	Kênh Liên xã	Trung tâm chống ngập	Quận Bình Tân	1.365	Xây dựng cống hộp kênh liên ấp
7	Kênh Lương Bèo	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận Bình Tân	9.641	Dự án tiêu thoát nước và giải quyết ô nhiễm kênh Tham Lương - Bến Cát - rạch Nước Lên (giai đoạn 2)
8	Rạch KM8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận Bình Tân	1.043	Dự án tiêu thoát nước và giải quyết ô nhiễm kênh Tham Lương - Bến Cát - rạch Nước Lên (giai đoạn 2)
9	Rạch Bà Tiếng	Trung tâm chống ngập	Quận Bình Tân	1.954	Thuộc dự án cải tạo rạch Bà Tiếng
10	Rạch Cầu Ván	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận Gò Vấp	970	Dự án tiêu thoát nước và giải quyết ô nhiễm kênh Tham Lương - Bến Cát - rạch Nước Lên (giai đoạn 2)
11	Rạch Cầu Cụt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận Gò Vấp	1.276	Dự án tiêu thoát nước và giải quyết ô nhiễm kênh Tham Lương - Bến Cát - rạch Nước Lên (giai đoạn 2)
12	Rạch Dừa	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận Gò Vấp	800	Dự án tiêu thoát nước và giải quyết ô nhiễm kênh Tham Lương - Bến Cát - rạch Nước Lên (giai đoạn 2)

13	Rạch Cầu Mật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận Gò Vấp	1.483	Dự án tiêu thoát nước và giải quyết ô nhiễm kênh Tham Lương - Bến Cát - rạch Nước Lên (giai đoạn 2)
14	Rạch Cầu Ngang - KP4	UBND quận Thủ Đức	Quận Thủ Đức	1.200	Thuộc dự án Cải tạo rạch Cầu Ngang
15	Cải tạo rạch Thủ Đào	Trung tâm chống ngập	Huyện Bình Chánh	4.434	Dự án thuộc Quy hoạch thủy lợi chống ngập úng khu vực thành phố Hồ Chí Minh (1547/QĐ-TTg)
16	Cải tạo rạch Bà Lớn		Quận 7, Huyện Nhà Bè	7.550	
17	Cải tạo rạch Lung Mân		Huyện Bình Chánh	2.554	
18	Cải tạo rạch Xóm Củi		Quận 8, Huyện Bình Chánh	7.638	
19	Cải tạo rạch Ông Bé	Trung tâm chống ngập	Quận 8, Huyện Nhà Bè	3.324	Dự án thuộc Quy hoạch thủy lợi chống ngập úng khu vực thành phố Hồ Chí Minh (1547/QĐ-TTg)
20	Cải tạo rạch Thầy Tiêu		Quận 7	2.600	
21	Cải tạo Sông Cần Giuộc		Quận 8, Huyện Bình Chánh	11.750	
22	Rạch Tra - Kênh Xáng - An Hạ - Kênh Xáng Lớn		Quận 12, Huyện Hóc Môn, Bình Chánh, Củ Chi	38.390	
	TỔNG CỘNG			**108.734**	
4. Các kênh, rạch chưa có dự án đầu tư					

1	Rạch Dừa		Quận 2	999	Quý I/2011 Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn thành xác định mép bờ cao, hành lang bảo vệ sông, kênh, rạch để làm cơ sở cho quận - huyện xác định quy mô giải tỏa. Từ Quý I/2011 đến quý III/2011 các địa phương lên phương án trình UBND chính sách và lộ trình giải tỏa lấn chiếm. Từ Quý I/2012 xây dựng quỹ nhà tái định cư.
2	Nhánh rạch dọc đường Nguyễn Văn Hưởng		Quận 2	1.640	
3	Rạch Bà Cua		Quận 2	3.800	
4	Các Nhánh Rạch Chiếc		Quận 2	13.660	
5	Nhánh rạch Giồng Ông Tố		Quận 2	4.600	
6	Rạch Cầu Dừa		Quận 4	640	
7	Rạch Bến Ngựa		Quận 7	910	
8	Rạch Bàng		Quận 7	3.800	
9	Rạch Cả Cấm		Quận 7	600	
10	Rạch Bà Bướm		Quận 7	2.960	
11	Rạch Du		Quận 8	1.240	
12	Nhánh rạch Bà Tàng		Quận 8	5.662	
13	Rạch Xuyên Tâm, rạch Cầu Sơn, Cầu Bông		Quận Bình Thạnh	11.164	
14	Rạch Ung Văn Khiêm		Quận Bình Thạnh	250	
15	Rạch Văn Thánh		Quận Bình Thạnh	2.178	
16	Rạch Bùi Hữu Nghĩa		Quận Bình Thạnh	554	
17	Kênh Tân Trụ		Quận Tân Bình	1.150	
18	Nhánh rạch Trường Đai		Quận Gò Vấp	966	
19	Rạch Cầu Cụt nhánh 1		Quận Gò Vấp	205	
20	Rạch Bà Miêng		Quận Gò Vấp	2.403	

21	Nhánh Rạch Ông Tổng		Quận Gò Vấp	1.447	
22	Rạch Ba Ty		Quận Gò Vấp	531	
23	Rạch Năng (Bà Lựu)		Quận Bình Tân	422	
24	Rạch Nhảy (phía thượng lưu)		Quận Bình Tân	1.084	
25	Sông Chùa nhánh 1		Quận Bình Tân	839	
26	Kênh Lộ Tẻ		Quận Bình Tân	1.967	
27	Rạch Đuôi Trâu		Quận Bình Tân	1.130	
28	Rạch Chùa		Quận Bình Tân	580	
29	Kênh Mương Lệ		Quận Bình Tân	1.200	
30	Rạch Lê Công Phép nhánh 2		Quận Bình Tân	556	
31	Nhánh rạch Bà Tiếng		Quận Bình Tân	1.517	
32	Kênh Mười Xà		Quận Bình Tân	600	
33	Rạch Môn		Quận Thủ Đức	1.400	
34	Rạch Nước Trong		Quận Thủ Đức	2.600	
35	Rạch Ông Lung		Huyện Bình Chánh	1.400	
36	Nhánh rạch Nước Lên		Huyện Bình Chánh	1.500	
37	Rạch Nò		Huyện Nhà Bè	1.500	
TỔNG CỘNG				**79.654**	
TỔNG CỘNG (1 + 2 + 3 + 4)				**264.316**	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 3

CHƯƠNG TRÌNH - HỢP TÁC NGHIÊN CỨU BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 26/2011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Tên nhiệm vụ/ dự án	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Nhu cầu vốn từng năm (tỷ đồng)					Tổng kinh phí *(tỷ đồng)*	Ghi chú
					2011	2012	2013	2014	2015		
	Tổng cộng				**18,084**	**15,789**	**18,500**	**15,500**	**15,000**	**86,380**	
A	**Hợp tác nghiên cứu biến đổi khí hậu**				10,528	13,789	18,000	15,000	15,000	72,317	
1	Xây dựng hệ thống quan trắc ngập tự động (Scada) thử nghiệm cho lưu vực Tân Hóa - Lò Gốm	Giám sát và thu thập dữ liệu từ xa bao gồm cả phần mềm giao tiếp	Sở Khoa học và Công nghệ	Trung tâm chống ngập	1,500					1,500	
2	Nghiên cứu thử nghiệm quy trình vận hành tự động hóa cho cống kiểm soát triều Nhiêu Lộc - Thị Nghè	Thiết kế và xây dựng mạng điều khiển SCADA cho cống Nhiêu Lộc -Thị Nghè.	Sở Khoa học và Công nghệ	Trung tâm chống ngập	1,000	1,000				2,000	
3	Triển khai lắp đặt mạng lưới quan trắc và cảnh báo ngập lụt cho toàn thành phố	Nâng cao mức độ tự động hóa trong công tác quan trắc ngập	Trung tâm chống ngập	Sở Khoa học và Công nghệ			10,000	10,000	10,000	30,000	
4	Giải pháp tích hợp viễn thám và GIS phục vụ nhiệm vụ thoát nước, chống ngập của thành phố Hồ chí Minh	Phục vụ công tác quản lý và quy hoạch thoát nước chống ngập.	Trung tâm chống ngập	Viện Khoa học công nghệ	1,500	1,400				2,900	

5	Nghiên cứu các khả năng ứng phó với các biến cố mưa vượt tần suất thiết kế do biến đổi khí hậu đối với các hệ thống thoát nước đô thị	Bảo đảm tính bền vững, thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu	Sở Khoa học và Công nghệ	Trung tâm chống ngập	2,000	2,000				4,000	
6	Xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu mạng lưới thoát nước trên nền số hóa và xây dựng mô hình quản lý, điều khiển hệ thống scada	Lập chiến lược quản lý, vận hành, bảo vệ, mở rộng, xây dựng mới hệ thống thoát nước	Trung tâm chống ngập	Sở Khoa học và Công nghệ		5,000	5,000	5,000	5,000	20,000	
7	Xây dựng bản đồ cảnh báo rủi ro ngập lụt	Phục vụ công tác cảnh báo và phương án xử lý cho cộng đồng	Trung tâm chống ngập	Hiệp hội Thủy lực thế giới	1,000	1,000	1,000			3,000	
8	Nghiên cứu khả thi về giảm thiểu tác động môi trường trong công tác quản lý nước thải tại TPHCM	Giảm thiểu tác động của môi trường trong công tác quản lý nước thải và tối ưu hóa việc quản lý bùn	Trung tâm chống ngập	Chính phủ Tây Ban Nha	55000 Euro	50000 Euro				105000 Euro	
					1,528	1,389				2,917	
9	Nghiên cứu, đánh giá tác động kinh tế - xã hội của biến đổi khí hậu; xây dựng chiến lược tích hợp để nâng cao khả năng thích nghi và ứng phó ngập lụt; nâng cao năng lực quan trắc, dự báo ngập lụt	Bảo đảm tính bền vững, thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành, địa phương liên quan.	2,000	2,000	2,000			6,000	
B	**Đào tạo nguồn nhân lực**				7,556	2,000	0,500	0,500		14,063	
1	Xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực cho ngành thoát nước, xử lý nước thải, thủy lợi chống ngập úng tại thành phố Hồ Chí Minh	Đáp ứng nguồn nhân lực trong lĩnh vực thoát nước đô thị	Trung tâm chống ngập	Sở Nội vụ	0,500	0,500	0,500	0,500		1,000	

2	Đào tạo nâng cao về quản lý mô hình và thông tin ứng dụng cho lĩnh vực quản lý nước, môi trường và những vấn đề thích nghi với biến đổi khí hậu	Đáp ứng nguồn nhân lực trong quản lý, vận hành cống kiểm soát triều, đê bao	Trung tâm chống ngập	Chính phủ Hà Lan	200000 Euro					362267 Euro	
					5,556					10,063	
3	Nghiên cứu, mở rộng các chuyên ngành đào tạo tại các trường dạy nghề để đào tạo đội ngũ công nhân ngành nước	Phục vụ yêu cầu quản lý, vận hành, bảo dưỡng hệ thống thoát nước, các nhà máy xử lý nước thải	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trung tâm chống ngập	0,500	0,500				1,000	
4	Xây dựng cơ chế, chính sách, tạo điều kiện thuận lợi trong việc tăng cường trao đổi, hợp tác khoa học - công nghệ với các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, các viện, trường đại học	Đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực thoát nước đô thị	Sở Khoa học và Công nghệ	Trung tâm chống ngập	0,500	0,500				1,000	
5	Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút đội ngũ cán bộ khoa học nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ tiên tiến của thế giới để thực hiện công tác chống ngập	Đáp ứng nguồn nhân lực trong lĩnh vực thoát nước đô thị	Sở Khoa học và Công nghệ	Trung tâm chống ngập	0,500	0,500				1,000	

* Ghi chú: Tỷ giá quy đổi ngày 12/12/2010 là 1 Euro = 27779 đồng Việt Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 4

58 TUYẾN ĐƯỜNG CÒN NGẬP ĐẾN CUỐI NĂM 2010

(Ban hành kèm theo Quyết định số 26/2011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)

TỔNG SỐ	STT	TÊN ĐƯỜNG	QUẬN	PHẠM VI NGẬP		KẾ HOẠCH THỰC HIỆN			NĂM	
				TỪ	ĐẾN	NỘI DUNG THỰC HIỆN	DỰ ÁN TRIỂN KHAI	CHỦ ĐẦU TƯ	2011	2012-2015
A.1. VÙNG TRUNG TÂM ©: 31 điểm										
1. LƯU VỰC NAM NHIÊU LỘC (C1)										
1	1	Hai Bà Trưng	1	Chợ Tân Định	Trần Quốc Toản	Đẩy nhanh tiến độ dự án lắp đặt tuyến cống thoát nước đường Hai Bà Trưng	Dự án Vệ sinh môi trường (lưu vực Nhiêu Lộc - Thị Nghè) (đang thi công).	Ban QLDA Vệ sinh môi trường	X	
2	2	Mai Thị Lựu	1	Nguyễn Văn Giai	Điện Biên Phủ	Cải tạo hệ thống thoát nước	Chưa có dự án.			X
2. LƯU VỰC BẮC NHIÊU LỘC (C2)										
3	1	Nguyễn Hữu Cảnh	Bình Thạnh	Ngã tư Ngô Tất Tố về phía Cầu Sài Gòn		Hoàn thành dự án cầu Thủ Thiêm và đoạn đường Nguyễn Hữu Cảnh từ cầu Sài Gòn đến cầu Thủ Thiêm.	Dự án cầu Thủ Thiêm (đã thi công xong). Dự án nâng cấp đường Nguyễn Hữu Cảnh (chưa thi công)	Khu Quản lý giao thông đô thị số 1		X

TỔNG SỐ	STT	TÊN ĐƯỜNG	QUẬN	PHẠM VI NGẬP		KẾ HOẠCH THỰC HIỆN			NĂM	
				TỪ	ĐẾN	NỘI DUNG THỰC HIỆN	DỰ ÁN TRIỂN KHAI	CHỦ ĐẦU TƯ	2011	2012-2015
4	2	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Bình Thạnh	Điện Biên Phủ	Nguyễn Cửu Vân	Hoàn thiện dự án lắp đặt tuyến cống thoát nước đường Xô Viết Nghệ Tỉnh; Để giảm ngập cho khu vực trong khi chờ dự án hoàn thành, Trung tâm Chống ngập tăng cường bơm ứng cứu trong thời gian thi công dự án.	Dự án Vệ sinh môi trường (lưu vực Nhiêu Lộc - Thị Nghè) (đang thi công)	Ban Quản lý Dự án Vệ sinh môi trường		X
5	3	Ung Văn Khiêm	Bình Thạnh	Đài Liệt Sỹ	Đường D2	Để giảm ngập cho khu vực trong khi chờ dự án hoàn thành, đấu nối cống thoát nước đường Ung Văn Khiêm vào hệ thống cống Ø800 của Dự án Vệ sinh môi trường (lưu vực Nhiêu Lộc - Thị Nghè) trên đường Xô Viết Nghệ Tĩnh để thoát ra rạch cầu Sơn.	Dự án cầu đường Bình Triệu 2	Công ty CII		X
6	4	Phan Đình Phùng	Phú Nhuận	Cầu Kiệu	Chợ Phú Nhuận	Hoàn thành dự án lắp đặt tuyến cống thoát nước đường Phan Đình Phùng	Dự án Vệ sinh môi trường (lưu vực Nhiêu Lộc - Thị Nghè) (đang thi công).	Ban Quản lý Dự án Vệ sinh môi trường	X	

TỔNG SỐ	STT	TÊN ĐƯỜNG	QUẬN	PHẠM VI NGẬP		KẾ HOẠCH THỰC HIỆN			NĂM	
				TỪ	ĐẾN	NỘI DUNG THỰC HIỆN	DỰ ÁN TRIỂN KHAI	CHỦ ĐẦU TƯ	2011	2012-2015
7	5	Bùi Hữu Nghĩa	Bình Thạnh	Vũ Tùng	cầu Bùi Hữu Nghĩa	Hoàn thành dự án lắp đặt tuyến cống thoát nước đường Bùi Hữu Nghĩa	Dự án Vệ sinh môi trường (lưu vực Nhiêu Lộc - Thị Nghè) (đang thi công).	Ban quản lý Dự án Vệ sinh môi trường		X
8	6	Vũ Tùng	Bình Thạnh	Bùi Hữu Nghĩa	Trường Tô Vĩnh Diện	Hoàn thành dự án lắp đặt tuyến cống thoát nước đường Bùi Hữu Nghĩa	Dự án Vệ sinh môi trường (lưu vực Nhiêu Lộc - Thị Nghè) (đang thi công).	Ban Quản lý Dự án Vệ sinh môi trường		X
3. LƯU VỰC TÂN HÓA - LÒ GỐM (C3)										
9	1	An Dương Vương	6	Lý Chiêu Hoàng	Cầu Mỹ Thuận	Để giảm ngập cho khu vực trong khi chờ dự án hoàn thành, trong năm 2010 cần nạo vét cục bộ tuyến rạch Ruột Ngựa và tuyến rạch Bàu Trâu tại vị trí cửa xả để thông thoáng dòng chảy giảm ngập cho khu vực.	Chưa có dự án			X
10	2			Bà Hom	Mũi tàu					X
11	3	Tân Hòa Đông	6	An Dương Vương	Số 151	Để giảm ngập cho khu vực trong khi chờ 02 dự án trên hoàn thành, trong năm 2010 nạo vét thông thông thoáng dòng chảy rạch Bàu Trâu và kênh Tân Hóa để giảm ngập cho khu vực.	Chưa có dự án			X
12	4	Phan Anh	Tân Phú	An Dương Vương	Ngã tư Bốn Xã					X

TỔNG SỐ	STT	TÊN ĐƯỜNG	QUẬN	PHẠM VI NGẬP		KẾ HOẠCH THỰC HIỆN			NĂM	
				TỪ	ĐẾN	NỘI DUNG THỰC HIỆN	DỰ ÁN TRIỂN KHAI	CHỦ ĐẦU TƯ	2011	2012-2015
13	5	Bà Hom	6	Kinh Dương Vương	An Dương Vương	Hoàn thiện dự án lắp đặt mới tuyến cống đường Bà Hom	DA Nâng cấp đô thị (đang thi công)	Ban quản lý Dự án Nâng cấp đô thị		X
14	6	Trương Công Định	Tân Bình	Trường Chinh	Âu Cơ	Hệ thống thoát nước cũ.	Chưa có dự án			X
15	7	Bàu Cát	Tân Bình	Trương Công Định	Võ Thành Trang					X
16	8	Đồng Đen	Tân Bình	Trường Chinh	Kênh Tân Hóa					X
17	9	Âu Cơ	Tân Bình	Thoại Ngọc Hầu	Trường Chinh	Hoàn thiện dự án lắp đặt mới tuyến cống đường Âu Cơ	Dự án Nâng cấp đô thị (đang thi công)	Ban quản lý Dự án Nâng cấp đô thị	X	
18	10	Lũy Bán Bích	Tân Bình	Hòa Bình	cầu Tân Hóa	Hoàn thiện dự án lắp đặt mới tuyến cống đường Lũy Bán Bích			X	
19	11	Hòa Bình	11	Kênh Tân Hóa	Lạc Long Quân	Hoàn thiện dự án lắp đặt mới tuyến cống đường Hòa Bình			X	

TỔNG SỐ	STT	TÊN ĐƯỜNG	QUẬN	PHẠM VI NGẬP		KẾ HOẠCH THỰC HIỆN			NĂM	
				TỪ	ĐẾN	NỘI DUNG THỰC HIỆN	DỰ ÁN TRIỂN KHAI	CHỦ ĐẦU TƯ	2011	2012-2015
20	12	Nguyễn Văn Luông	6	Góc Chợ Lớn		Hoàn thiện dự án lắp đặt mới tuyến cống đường Nguyễn Văn Luông			X	
21	13	Ba Vân	Tân Bình	Nguyễn Hồng Đào - Âu Cơ		Chưa có dự án				X
4. LƯU VỰC BẮC TÀU HỦ (C4)										
22	1	Tôn Thất Hiệp	11	Tuệ Tĩnh	3 Tháng 2	Để giảm ngập cho khu vực, trong năm 2010 hoàn thành dự án lắp đặt mới cống thoát nước đường 3 Tháng 2; Nguyễn Thị Nhỏ, đấu nối tuyến cống trên đường Tôn Thất Hiệp vào hệ thống	Dự án Môi trường nước giai đoạn 2.	Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình giao thông-đô thị		X
23	2	Lãnh Binh Thăng	11	Tuệ Tĩnh	Lò Siêu	Hoàn thành dự án lắp đặt mới cống thoát nước đường Lê Đại Hành; đấu nối tuyến cống trên đường Lãnh Binh Thăng vào hệ thống	Dự án Cải thiện môi trường nước (đã thi công).	Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình giao thông-đô thị	X	
24	3	Trần Hưng Đạo	5	Châu Văn Liêm	Học Lạc	Chưa có dự án				X

TỔNG SỐ	STT	TÊN ĐƯỜNG	QUẬN	PHẠM VI NGẬP		KẾ HOẠCH THỰC HIỆN			NĂM	
				TỪ	ĐẾN	NỘI DUNG THỰC HIỆN	DỰ ÁN TRIỂN KHAI	CHỦ ĐẦU TƯ	2011	2012-2015
25	4	Lê Quang Sung	6	Mai Xuân Thưởng	Minh Phụng	Chưa có dự án.				X
26	5	Dương Tử Giang	5	Trang Tử	Phạm Hữu Chí	Chưa có dự án.				X
27	6	Thái Phiên	11	3 Tháng 2	Hùng Vương	Chưa có dự án.				X
28	7	Hậu Giang	6	Tháp Mười	Bình Tiên	Chưa có dự án.				X
29	8	Cao Văn Lầu	6	Gia Phú	Bãi Sậy	Hoàn thành dự án lắp đặt mới cống thoát nước đường Phạm Đình Hổ - Cao Văn Lầu (từ Lê Quang Sung đến Trần Văn Kiểu).	Dự án Tiểu lưu vực Hàng Bàng (đang thi công)	Trung tâm Chống ngập tiếp tục theo dõi	X	
30	9	Mai Xuân Thưởng	6	Lê Quang Sung	Phan Văn Khỏe	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án lắp đặt mới cống thoát nước đường Mai Xuân Thưởng thuộc dự án cải thiện môi trường nước giai đoạn 2; Để giảm ngập cho khu vực trong khi chờ dự án hoàn thành, sau khi dự án	Dự án Cải thiện môi trường nước - giai đoạn 2	Ban Quản lý Dự án Đại lộ Đông Tây và Môi trường nước	X	

TỔNG SỐ	STT	TÊN ĐƯỜNG	QUẬN	PHẠM VI NGẬP		KẾ HOẠCH THỰC HIỆN			NĂM	
				TỪ	ĐẾN	NỘI DUNG THỰC HIỆN	DỰ ÁN TRIỂN KHAI	CHỦ ĐẦU TƯ	2011	2012-2015
						lắp đặt mới cống thoát nước đường Phạm Đình Hổ - Cao Văn Lầu (từ Lê Quang Sung đến Trần Văn Kiểu) hoàn thành, tách mạng thoát nước sang các tuyến này để hạn chế lưu lượng chảy về tuyến đường Mai Xuân Thưởng.				
5. LƯU VỰC BẾN NGHÉ - QUẬN 4 (C5)										
6. LƯU VỰC THANH ĐA (Ca)										
31	1	Bình Quới	Bình Thạnh	UBND phường 28	Bến đò	Hoàn thành dự án nâng cấp đường và lắp đặt hệ thống thoát nước đường Bình Quới	Dự án nâng cấp đường và lắp đặt hệ thống thoát nước đường Bình Quới (đang thi công)	Khu Quản lý giao thông đô thị số 1	X	
A.2. VÙNG BẮC (N): 05 điểm										
1. LƯU VỰC NAM THAM LƯƠNG (N)										
32	1	Lê Đức Thọ	Gò Vấp	GX Lạng Sơn	Trường Tây Sơn	Hoàn thành dự án lắp đặt mới cống thoát nước đường Lê Đức Thọ thuộc dự án cải tạo hệ thống thoát nước	Dự án Nâng cấp đô thị (đang lập dự án)	Ban quản lý Dự án Nâng cấp đô thị		X

TỔNG SỐ	STT	TÊN ĐƯỜNG	QUẬN	PHẠM VI NGẬP		KẾ HOẠCH THỰC HIỆN			NĂM	
				TỪ	ĐẾN	NỘI DUNG THỰC HIỆN	DỰ ÁN TRIỂN KHAI	CHỦ ĐẦU TƯ	2011	2012-2015
						ngoài lưu vực Tân Hóa - Lò Gốm. Để giảm ngập cho khu vực trong khi chờ dự án hoàn thành, trong năm 2010 cần đấu nối tuyến cống trên đường Lê Đức Thọ từ Ủy ban nhân dân phường 13 đến cầu Cụt và từ đường số 1 đến Phạm Văn Chiêu.				
33	2	Lê Lai - Lê Lợi	GV	Phạm vi đường Lê Lai, Lê Lợi		Xây dựng hệ thống thoát nước đường Lê Lai - Lê Lợi	Dự án nâng cấp đường và lắp đặt hệ thống thoát nước đường Lê Lợi	Trung tâm điều hành chương trình chống ngập nước	X	
34	3	Quang Trung	Gò Vấp	Phạm Văn Chiêu	Chân Chợ Cầu	Đề xuất Sở Giao thông vận tải nâng cấp mặt đường cục bộ		Sở Giao thông vận tải		X
2. LƯU VỰC BẮC THÀNH PHỐ (N)										
35	1	Quốc lộ 1A	12	Nguyễn Văn Quá	Lê Thị Riêng	Xây dựng hệ thống thoát nước đường Quốc lộ 1 A (từ Lê Thị Riêng đến Nguyễn Văn Quá). Đã trình Sở Giao thông vận tải tháng 11/2010	Xây dựng hệ thống thoát nước đường Quốc lộ 1A	Trung tâm điều hành chương trình chống ngập nước	X	

TỔNG SỐ	STT	TÊN ĐƯỜNG	QUẬN	PHẠM VI NGẬP		KẾ HOẠCH THỰC HIỆN			NĂM	
				TỪ	ĐẾN	NỘI DUNG THỰC HIỆN	DỰ ÁN TRIỂN KHAI	CHỦ ĐẦU TƯ	2011	2012-2015
36	2	Nguyễn Văn Quá	12	Trường Chinh	Tỉnh lộ 15	Hoàn thành dự án lắp đặt mới cống thoát nước đường Nguyễn Văn Quá thuộc dự án cải tạo hệ thống thoát nước ngoài lưu vực Tân Hóa - Lò Gốm. Để giảm ngập cho khu vực trong khi chờ dự án hoàn thành, trong năm 2010 cần đấu nối thêm tuyến cống D600mm ra rạch để tăng cường thoát nước cho khu vực. đồng thời Ủy ban nhân dân quận 12 xử lý các hộ dân lấn chiếm hệ thống thoát nước làm hạn chế dòng chảy.	Dự án Nâng cấp đô thị	Ban Quản lý Dự án Nâng cấp đô thị		X
A.3. LƯU VỰC ĐÔNG BẮC THÀNH PHỐ (NE): 07 điểm										
37	1	Kha Vạn Cân	Thủ Đức	Dương Văn Cam	Bưu điện	Ban quản lý Dự án quận Thủ Đức đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án "Nạo vét rạch Cầu Ngang", đấu nối tuyến cống trên đường Kha Vạn Cân vào rạch Cầu Ngang. Để giảm ngập cho khu vực trong khi chờ dự án hoàn thành, trong năm 2010 đấu nối thêm hướng thoát nước tại rạch Cầu Ngang.	Dự án Nạo vét rạch Cầu Ngang	Ban quản lý Dự án quận Thủ Đức		X

TỔNG SỐ	STT	TÊN ĐƯỜNG	QUẬN	PHẠM VI NGẬP		KẾ HOẠCH THỰC HIỆN			NĂM	
				TỪ	ĐẾN	NỘI DUNG THỰC HIỆN	DỰ ÁN TRIỂN KHAI	CHỦ ĐẦU TƯ	2011	2012-2015
38	2	Tỉnh Lộ 43	Thủ Đức	Lê Thị Hoa	Bình Chiểu	Hoàn thành dự án nâng cấp đường và lắp đặt hệ thống thoát nước đường Tỉnh lộ 43	Dự án nâng cấp đường và lắp đặt hệ thống thoát nước đường Tỉnh lộ 43 (đang thi công)	Khu Quản lý giao thông đô thị số 2		X
39	3	Gò Dưa	Thủ Đức	Số nhà 10	Số nhà 36	Đề xuất Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức nâng cấp mặt đường cục bộ.		Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức		X
40	4	Thảo Điền	2	Hẻm 97	Cửa xả 8	Ủy ban nhân dân quận 2 hoàn thành dự án bờ kè rạch Nguyễn Văn Hưởng.		Ủy ban nhân dân quận 2		X
41	5	Đặng Thị Rành	Thủ Đức	Tô Ngọc Vân	Dương Văn Cam	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án "Nạo vét rạch Cầu Ngang", đấu nối tuyến cống trên đường Kha Vạn Cân, Đặng Thị Rành, Dương Văn Cam, Hồ Văn Tư vào rạch Cầu Ngang. Để giảm ngập cho khu vực trong khi chờ dự án hoàn thành, trong năm 2010 đấu nối thêm hướng thoát nước trên đường Kha Vạn Cân ra rạch Cầu Ngang, nạo vét thông thoáng rạch Cầu Ngang	Dự án Nạo vét rạch Cầu Ngang	Ban quản lý Dự án quận Thủ Đức		X
42	6	Dương Văn Cam	Thủ Đức	Kha Vạn Cân	Lê Văn Tách					X
43	7	Hồ Văn Tư	Thủ Đức	Kha Vạn Cân	SN 48					X

TỔNG SỐ	STT	TÊN ĐƯỜNG	QUẬN	PHẠM VI NGẬP		KẾ HOẠCH THỰC HIỆN			NĂM	
				TỪ	ĐẾN	NỘI DUNG THỰC HIỆN	DỰ ÁN TRIỂN KHAI	CHỦ ĐẦU TƯ	2011	2012-2015
A.4. VÙNG ĐÔNG NAM THÀNH PHỐ (SE): 01 điểm										
44	1	Đỗ Xuân Hợp	9	Trước trường TH Kỹ Nghệ		Hoàn thành dự án nâng cấp, mở rộng đường Đỗ Xuân Hợp		Khu quản lý giao thông đô thị số 2		X
A.5. VÙNG TÂY THÀNH PHỐ (W): 07 điểm										
45	1	Kinh Dương Vương	Bình Tân	Mũi tàu Phú Lâm	Vòng xoay An Lạc	Chưa có dự án.				X
46	2	Trương Vĩnh Ký	Tân Phú	Tân Sơn Nhì	Nguyễn Xuân Khoát	Chưa có dự án.				X
47	3	Tân Hương	Tân Phú	suốt tuyến						X
48	4	Gò Dầu	Tân Phú	Bình Long	Tân Sơn Nhì					X
49	5	Tân Quý	Tân Phú	Gò Dầu	SN 161					X

TỔNG SỐ	STT	TÊN ĐƯỜNG	QUẬN	PHẠM VI NGẬP		KẾ HOẠCH THỰC HIỆN			NĂM	
				TỪ	ĐẾN	NỘI DUNG THỰC HIỆN	DỰ ÁN TRIỂN KHAI	CHỦ ĐẦU TƯ	2011	2012-2015
50	6	Trần Đại Nghĩa	Bình Tân	Quốc lộ 1A	Cầu Cái Trung	Chưa có dự án.				X
51	7	Hồ Học Lãm	Bình Tân	Quốc lộ 1A	Rạch Bà Tiếng	Chưa có dự án.				X
A.6. VÙNG NAM THÀNH PHỐ (S): 07 điểm										
52	1	Nguyễn Thị Thập	7	Huỳnh Tấn Phát	Lê Văn Lương	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thị Thập		Khu Quản lý giao thông đô thị số 4	X	
53	2	Huỳnh Tấn Phát	7	Cầu Tân Thuận	Cầu Phú Xuân	UBND quận 7 giải tỏa lấn chiếm rạch, cửa xả rạch Bà Bướm, rạch Ông Đội, rạch Bến Ngựa; nạo vét cục bộ các rạch Bà Bướm, Ông Đội, rạch Bến Ngựa; tăng cường máy bơm để bơm nước khi mưa; lắp đặt cống hộp thay thế cống D600 dẫn ra cửa xả rạch Bà Bướm; nâng cấp mặt đường Huỳnh Tấn Phát (đoạn từ Nguyễn Văn Quỳ đến Gò Ô Môi).	Chưa có dự án			X

TỔNG SỐ	STT	TÊN ĐƯỜNG	QUẬN	PHẠM VI NGẬP		KẾ HOẠCH THỰC HIỆN			NĂM	
				TỪ	ĐẾN	NỘI DUNG THỰC HIỆN	DỰ ÁN TRIỂN KHAI	CHỦ ĐẦU TƯ	2011	2012-2015
54	3	Lương Văn Can	8	Lưu Hữu Phước	SN 57	Hoàn thành dự án bờ kè và lắp đặt mới cống thoát nước đường Bến Bình Đông và Mễ Cốc	Dự án Cải thiện môi trường nước (đang thi công).	Ban quản lý Dự án Đại lộ Đông Tây và Môi trường nước	X	
55	4	Mai Hắc Đế	8	Lưu Hữu Phước	Mễ Cốc 2				X	
56	5	Lê Thành Phương	8	Mai Hắc Đế	Rạch Cát				X	
57	6	Lưu Hữu Phước	8	SN 167	SN 169				X	
58	7	Bến Bình Đông	8	Cầu số 2	SN325				X	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ